PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 14/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 3 năm 2014 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thanh Hóa

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH THANH HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tiếp theo Công báo số 421 + 422)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
quốc lộ 1A	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a, F-48-92-D-c
tiểu khu 1	DC	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	19° 58' 54"	105° 50' 23"					F-48-92-D-c
tiểu khu 2	DC	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	19° 58' 55"	105° 50' 40"					E-48-8-B-a
tiểu khu 3	DC	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	19° 59' 05"	105° 50' 36"					F-48-92-D-c
tiểu khu 4	DC	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	19° 59' 45"	105° 50' 31"					F-48-92-D-c
tiểu khu 5	DC	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	20° 00' 37"	105° 50' 59"					F-48-92-D-c
tiểu khu 6	DC	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	20° 01' 01"	105° 50' 56"					F-48-92-D-c
quốc lộ 217	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường tỉnh 508	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	F-48-92-D-c
cầu Cai Tít	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	20° 00' 47"	105° 51' 01"					F-48-92-D-c
sông Chiếu Bạch	TV	TT. Hà Trung	H. Hà Trung			20° 02' 51"	105° 50' 40"	19° 59' 07"	105° 51' 43"	F-48-92-D-c,
mương Chính Phủ	TV	TT. Hà Trung	H. Hà Trung			19° 59' 08"	105° 50' 31"	19° 59' 48"	105° 47' 13"	E-48-8-B-a
ga Đò Lèn	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	19° 59' 18"	105° 50' 33"					E-48-8-B-a
Chợ Gáo	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	20° 00' 26"	105° 51' 04"					F-48-92-D-c
Cầu Lèn	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	19° 58' 49"	105° 50' 31"					E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	TT. Hà Trung	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	F-48-92-D-c, E-48-8-B-a
đường tỉnh 522	KX	xã Hà Bắc	H. Hà Trung			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-D-c
thôn Bắc Giang	DC	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 03' 01"	105° 49' 38"					F-48-92-D-c
thôn Bắc Sơn	DC	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 04' 44"	105° 49' 26"					F-48-92-D-c
đồi Đà Sơn	SV	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 03' 58"	105° 49' 07"					F-48-92-D-c
thôn Đà Sơn	DC	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 03' 42"	105° 49' 12"					F-48-92-D-c
Sông Hoạt	TV	xã Hà Bắc	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-c
cầu Long Khê	KX	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 04' 46"	105° 49' 19"					F-48-92-D-c
sông Long Khê	TV	xã Hà Bắc	H. Hà Trung			20° 05' 26"	105° 49' 01"	20° 04' 32"	105° 49' 24"	F-48-92-D-c
thôn Song Nga	DC	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 03' 20"	105° 49' 30"					F-48-92-D-c
sông Tống Giang	TV	xã Hà Bắc	H. Hà Trung			20° 04' 22"	105° 49' 36"	20° 02' 52"	105° 51' 04"	F-48-92-D-c
đồi Trạng Sơn	SV	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 04' 05"	105° 49' 29"					F-48-92-D-c
thôn Trạng Sơn	DC	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 03' 52"	105° 49' 23"					F-48-92-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hà Bình	H. Hà Trung			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	F-48-92-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Thịnh Thôn	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 43"	105° 50' 53"					F-48-92-D-c
sông Chiếu Bạch	TV	xã Hà Bình	H. Hà Trung			20° 02' 51"	105° 50' 40"	19° 59' 07"	105° 51' 43"	F-48-92-D-c
thôn Đông Trung 1	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 39"	105° 50' 18"					F-48-92-D-c
thôn Đông Trung 2	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 55"	105° 49' 59"					F-48-92-D-c
thôn Đông Trung 3	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 59"	105° 49' 51"					F-48-92-D-c
thôn Đông Trung 4	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 02' 04"	105° 49' 48"					F-48-92-D-c
núi Hoàng Sơn	SV	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 02' 10"	105° 51' 07"					F-48-92-D-c
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 01"	105° 50' 06"					F-48-92-D-c
thôn Nhân Lý	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 01"	105° 51' 07"					F-48-92-D-c
thôn Nội Thượng	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 24"	105° 50' 46"					F-48-92-D-c
núi Ông Voi	SV	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 09"	105° 50' 43"					F-48-92-D-c
thôn Phú Vinh	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 56"	105° 50' 56"					F-48-92-D-c
Đồi Thông	SV	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 16"	105° 49' 16"					F-48-92-D-c
Núi Trắng	SV	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 00' 41"	105° 49' 56"					F-48-92-D-c
thôn Xuân Áng	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 34"	105° 50' 46"					F-48-92-D-c
thôn Xuân Sơn	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 24"	105° 51' 29"					F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 45"	105° 54' 27"					F-48-92-D-d
thôn 2	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 44"	105° 53' 58"					F-48-92-D-d
thôn 3	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 15"	105° 53' 56"					F-48-92-D-d
thôn 4	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 14"	105° 53' 52"					F-48-92-D-d
thôn 5	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 07"	105° 54' 12"					F-48-92-D-d
thôn 6	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 00' 56"	105° 54' 22"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 7	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 00' 54"	105° 54' 21"					F-48-92-D-d
thôn 8	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 00' 50"	105° 54' 18"					F-48-92-D-d
thôn 9	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 00' 48"	105° 54' 14"					F-48-92-D-d
thôn 10	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 01"	105° 54' 00"					F-48-92-D-d
Núi Chùa	SV	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 28"	105° 53' 21"					F-48-92-D-d
cầu Hà Thanh	KX	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 02' 19"	105° 53' 56"					F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Hà Châu	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-d
quốc lộ 217	KX	xã Hà Đông	H. Hà Trung			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	E-48-8-B-a
mương Chính Phủ	TV	xã Hà Đông	H. Hà Trung			19° 59' 08"	105° 50' 31"	19° 59' 48"	105° 47' 13"	E-48-8-B-a
cầu Hà Đông	KX	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 35"	105° 48' 36"					E-48-8-B-a
thôn Kim Hưng	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 57"	105° 49' 37"					E-48-8-B-a
thôn Kim Môn	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 12"	105° 48' 04"					E-48-8-B-a
thôn Kim Phát	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 50"	105° 49' 05"					E-48-8-B-a
thôn Kim Sơn	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 26"	105° 48' 07"					E-48-8-B-a
thôn Kim Thành	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 00"	105° 48' 58"					E-48-8-B-a
thôn Kim Tiên	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 50"	105° 48' 47"					E-48-8-B-a
Núi Lèn	SV	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 00"	105° 48' 04"					E-48-8-B-a
Chùa Mau	KX	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 58' 49"	105° 49' 06"					E-48-8-B-a
thôn Núi Gà	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 38"	105° 48' 27"					E-48-8-B-a
núi Quặng Kưu	SV	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 58' 29"	105° 48' 47"					E-48-8-B-a
núi Trung Trinh	SV	xã Hà Đông	H. Hà Trung	20° 00' 11"	105° 49' 48"					F-48-92-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hà Dương	H. Hà Trung			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	F-48-92-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Cao Lũng	DC	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 02' 51"	105° 50' 53"					F-48-92-D-c
sông Chiếu Bạch	TV	xã Hà Dương	H. Hà Trung			20° 02' 51"	105° 50' 40"	19° 59' 07"	105° 51' 43"	F-48-92-D-c
Cầu Cừ	KX	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 02' 52"	105° 50' 39"					F-48-92-D-c
thôn Đoài Thôn	DC	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 03' 00"	105° 50' 46"					F-48-92-D-c
thôn Đông Thôn	DC	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 02' 50"	105° 51' 14"					F-48-92-D-c
cầu Hà Dương	KX	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 02' 53"	105° 51' 05"					F-48-92-D-c
núi Hoàng Sơn	SV	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 02' 10"	105° 51' 07"					F-48-92-D-c
Sông Hoạt	TV	xã Hà Dương	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-c
thôn Thổ Khối	DC	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 03' 09"	105° 51' 11"					F-48-92-D-c
cầu Tống Giang	KX	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 03' 31"	105° 50' 50"					F-48-92-D-c
sông Tống Giang	TV	xã Hà Dương	H. Hà Trung			20° 04' 22"	105° 49' 36"	20° 02' 52"	105° 51' 04"	F-48-92-D-c
đền Trần Hưng Đạo	KX	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 03' 12"	105° 51' 10"					F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 03' 51"	105° 48' 40"					F-48-92-D-c
thôn 5	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 12"	105° 47' 46"					F-48-92-D-c
thôn 6	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 40"	105° 47' 02"					F-48-92-D-c
đồi Cao Các	SV	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 53"	105° 46' 45"					F-48-92-D-c
Sông Hoạt	TV	xã Hà Giang	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-c
thôn Quan Chiêm 1	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 02"	105° 48' 09"					F-48-92-D-c
thôn Quan Chiêm 2	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 02"	105° 48' 09"					F-48-92-D-c
thôn Quan Chiêm 3	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 15"	105° 48' 11"					F-48-92-D-c
thôn Quan Chiêm 4	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 31"	105° 48' 05"					F-48-92-D-c
suối Vạn Bảo	TV	xã Hà Giang	H. Hà Trung			20° 06' 28"	105° 46' 44"	20° 04' 39"	105° 46' 51"	F-48-92-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường tỉnh 508	KX	xã Hà Hải	H. Hà Trung			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b
cầu Báo Văn	KX	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 59' 03"	105° 55' 18"					E-48-8-B-b
thôn Đông Quang	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	20° 00' 00"	105° 54' 36"					F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Hà Hải	H. Hà Trung			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	E-48-8-B-b, F-48-92-D-d
thôn Nam Thôn	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 59' 25"	105° 54' 32"					E-48-8-B-b
xóm Ngư Hải	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	20° 00' 14"	105° 54' 37"					F-48-92-D-d
thôn Như Lăng	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 59' 47"	105° 54' 47"					E-48-8-B-b
thôn Thạch Quật 1	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 58' 55"	105° 54' 50"					E-48-8-B-b
thôn Thạch Quật 2	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 59' 17"	105° 54' 43"					E-48-8-B-b
thôn Tùng Thi	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 59' 49"	105° 54' 05"					E-48-8-B-b
thôn Yên Đò	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	20° 00' 04"	105° 54' 40"					F-48-92-D-d
thôn Yên Thôn	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 59' 48"	105° 54' 14"					E-48-8-B-b
thôn 1	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 00' 59"	105° 52' 18"					F-48-92-D-c
thôn 2	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 14"	105° 52' 19"					F-48-92-D-c
thôn 3	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 34"	105° 52' 41"					F-48-92-D-d
thôn 4	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 36"	105° 52' 52"					F-48-92-D-d
thôn 5	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 30"	105° 53' 02"					F-48-92-D-d
thôn 6	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 53"	105° 53' 06"					F-48-92-D-d
thôn 7	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 59"	105° 53' 11"					F-48-92-D-d
thôn 8	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 46"	105° 52' 35"					F-48-92-D-d
núi Bờ Rộng	SV	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 36"	105° 52' 30"					F-48-92-D-c
Núi Chùa	SV	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 28"	105° 53' 21"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
hồ Con Nhạn	TV	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 00' 57"	105° 51' 40"					F-48-92-D-c
Sông Hoạt	TV	xã Hà Lai	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-d, F-48-92-D-c
núi Rừng Dẻ	SV	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 00' 35"	105° 51' 40"					F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 58' 51"	105° 51' 30"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 58' 50"	105° 51' 41"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 59' 00"	105° 51' 40"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 58' 58"	105° 51' 29"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 58' 50"	105° 52' 48"					E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 59' 17"	105° 52' 50"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 59' 32"	105° 52' 27"					E-48-8-B-a
thôn 8	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 59' 56"	105° 52' 04"					F-48-92-D-c
đường tỉnh 508	KX	xã Hà Lâm	H. Hà Trung			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b, E-48-8-B-a, F-48-92-D-c
Sông Lèn	TV	xã Hà Lâm	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
núi Răng Hạc	SV	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 59' 32"	105° 52' 59"					E-48-8-B-b
thôn 1	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 56"	105° 45' 11"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 51"	105° 45' 28"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 43"	105° 46' 16"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 23"	105° 45' 47"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 50"	105° 45' 52"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn 6	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 54"	105° 46' 00"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 49"	105° 46' 20"					E-48-8-B-a
thôn 8	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 45"	105° 46' 22"					E-48-8-B-a
thôn 9	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 58' 53"	105° 46' 23"					E-48-8-B-a
thôn 10	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 52"	105° 46' 11"					E-48-8-B-a
thôn 11	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 53"	105° 47' 03"					E-48-8-B-a
thôn 12	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	20° 00' 51"	105° 46' 39"					F-48-92-D-c
thôn 13	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	20° 01' 02"	105° 47' 03"					F-48-92-D-c
thôn 14	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	20° 01' 20"	105° 47' 42"					F-48-92-D-c
thôn 15	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	20° 01' 20"	105° 46' 16"					F-48-92-D-c
quốc lộ 217	KX	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	E-48-8-B-a, F-48-92-C-d, E-48-8-A-b
núi Ác Sơn	SV	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 58' 57"	105° 45' 29"					E-48-8-A-b
núi Bảo Sơn	SV	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	20° 02' 00"	105° 45' 29"					F-48-92-D-c
sông Bồng Khê	TV	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung			19° 58' 44"	105° 46' 16"	20° 00' 55"	105° 46' 06"	F-48-92-D-c
Đập Cầu	KX	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	20° 01' 16"	105° 47' 26"					F-48-92-D-c
mương Chính Phủ	TV	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung			19° 59' 08"	105° 50' 31"	19° 59' 48"	105° 47' 13"	E-48-8-B-a
cầu Hà Lĩnh	KX	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 59"	105° 45' 55"					E-48-8-B-a
Núi Lớn	SV	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 18"	105° 44' 49"					E-48-8-A-b
Khe Mòi	TV	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung			20° 02' 02"	105° 45' 58"	20° 01' 04"	105° 46' 39"	F-48-92-D-c
Đập Ngay	KX	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	20° 00' 32"	105° 46' 50"					F-48-92-D-c
núi Ngọc Sơn	SV	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 06"	105° 47' 13"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đồi Thung Thị	SV	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	20° 01' 40"	105° 47' 20"					F-48-92-D-c
núi Trung Trinh	SV	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	20° 00' 41"	105° 47' 52"					F-48-92-D-c
đường tỉnh 522	KX	xã Hà Long	H. Hà Trung			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-D-c
hồ Bến Quân	TV	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 05' 30"	105° 48' 55"					F-48-92-D-c
đồi Cao Các	SV	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 04' 53"	105° 46' 45"					F-48-92-D-c
thôn Đại Sơn	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 05' 10"	105° 48' 08"					F-48-92-D-c
Chợ Đền	KX	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 05' 33"	105° 47' 51"					F-48-92-D-c
thôn Đông Bình	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 05' 54"	105° 47' 31"					F-48-92-D-c
thôn Đồng Hậu	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 06' 03"	105° 47' 43"					F-48-92-D-c
thôn Đồng Quảng	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 06' 12"	105° 47' 29"					F-48-92-D-c
thôn Đồng Toàn	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 06' 03"	105° 48' 06"					F-48-92-D-c
thôn Gia Miêu 1	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 05' 51"	105° 48' 34"					F-48-92-D-c
thôn Gia Miêu 2	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 05' 19"	105° 47' 49"					F-48-92-D-c
thôn Hoàng Vân	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 07' 12"	105° 49' 15"					F-48-92-D-c
thôn Khắc Dũng	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 06' 06"	105° 48' 21"					F-48-92-D-c
núi Khê Cái	SV	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 08' 42"	105° 48' 32"					F-48-92-D-a
cầu Long Khê	KX	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 04' 46"	105° 49' 19"					F-48-92-D-c
sông Long Khê	TV	xã Hà Long	H. Hà Trung			20° 05' 26"	105° 49' 01"	20° 04' 32"	105° 49' 24"	F-48-92-D-c
thôn Nghĩa Dụng	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 07' 01"	105° 50' 20"					F-48-92-D-c
Đền Rồng	KX	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 07' 58"	105° 51' 19"					F-48-92-D-c
núi Rương Lăng	SV	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 06' 51"	105° 47' 56"					F-48-92-D-c
cầu Vạn Bảo	KX	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 06' 44"	105° 46' 48"					F-48-92-D-c
suối Vạn Bảo	TV	xã Hà Long	H. Hà Trung			20° 06' 28"	105° 46' 44"	20° 04' 39"	105° 46' 51"	F-48-92-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Yến Vĩ	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 05' 15"	105° 47' 38"					F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 37"	105° 49' 01"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 18"	105° 49' 26"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 23"	105° 49' 32"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 26"	105° 49' 38"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 32"	105° 49' 47"					E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 38"	105° 49' 55"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 39"	105° 50' 01"					E-48-8-B-a
thôn 8	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 44	105° 50' 07"					E-48-8-B-a
thôn 9	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 49"	105° 50' 06"					E-48-8-B-a
thôn 10	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 56"	105° 50' 13"					E-48-8-B-a
mương Chính Phủ	TV	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung			19° 59' 08"	105° 50' 31"	19° 59' 48"	105° 47' 13"	E-48-8-B-a
thôn Kim Chi	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 56"	105° 50' 13"					E-48-8-B-a
thôn Kim Liên	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 49"	105° 50' 06"					E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a
Chùa Mau	KX	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 49"	105° 49' 06"					E-48-8-B-a
núi Quặng Kưu	SV	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 29"	105° 48' 47"					E-48-8-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hà Ninh	H. Hà Trung			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 01"	105° 50' 54"					F-48-92-D-c
thôn 2	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	19° 59' 53"	105° 50' 54"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	19° 59' 52"	105° 50' 45"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	19° 59' 55"	105° 50' 41"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 22"	105° 51' 07"					F-48-92-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
quốc lộ 217	KX	xã Hà Ninh	H. Hà Trung			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	E-48-8-B-a
đường tỉnh 508	KX	xã Hà Ninh	H. Hà Trung			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	F-48-92-D-c
sông Chiếu Bạch	TV	xã Hà Ninh	H. Hà Trung			20° 02' 51"	105° 50' 40"	19° 59' 07"	105° 51' 43"	F-48-92-D-c, E-48-8-B-a
làng Đông Ninh	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 14"	105° 51' 43"					F-48-92-D-c
làng Đường Cát	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 15"	105° 50' 13"					F-48-92-D-c
làng Nghè Đỏ	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	19° 59' 56"	105° 49' 59"					E-48-8-B-a
làng Ninh Thôn	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 15"	105° 50' 13"					F-48-92-D-c
làng Phú Nham	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 22"	105° 51' 07"					F-48-92-D-c
núi Rừng Dẻ	SV	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 35"	105° 51' 40"					F-48-92-D-c
làng Tây Ninh	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 28"	105° 50' 13"					F-48-92-D-c
núi Trung Trinh	SV	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 11"	105° 49' 48"					F-48-92-D-c
quốc lộ 217	KX	xã Hà Phong	H. Hà Trung			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Hà Phong	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a
chùa Long Cảm Tự	KX	xã Hà Phong	H. Hà Trung	19° 59' 23"	105° 50' 00"					E-48-8-B-a
thôn Phong Vận	DC	xã Hà Phong	H. Hà Trung	19° 59' 41"	105° 50' 10"					E-48-8-B-a
thôn Thượng Thôn	DC	xã Hà Phong	H. Hà Trung	19° 59' 12"	105° 50' 49"					E-48-8-B-a
thôn Trang Các	DC	xã Hà Phong	H. Hà Trung	19° 59' 27"	105° 50' 17"					E-48-8-B-a
thôn Tương Lạc	DC	xã Hà Phong	H. Hà Trung	19° 58' 55"	105° 51' 00"					E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 58' 52"	105° 54' 05"					E-48-8-B-b
thôn 2	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 58' 58"	105° 53' 58"					E-48-8-B-b
thôn 3	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 58' 57"	105° 53' 55"					E-48-8-B-b
thôn 4	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 58' 45"	105° 53' 27"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn 5	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 59' 07"	105° 53' 44"					E-48-8-B-b
thôn 6	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 59' 07"	105° 53' 13"					E-48-8-B-b
thôn 7	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 58' 54"	105° 54' 01"					E-48-8-B-b
đường tỉnh 508	KX	xã Hà Phú	H. Hà Trung			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b
hồ Hà Thái	TV	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 59' 31"	105° 53' 32"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Hà Phú	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
núi Răng Hạc	SV	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 59' 32"	105° 52' 59"					E-48-8-B-b
Hón Bông	TV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung			19° 58' 15"	105° 45' 46"	19° 57' 35"	105° 45' 32"	E-48-8-B-a
thôn Cẩm Sơn	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 08"	105° 45' 58"					E-48-8-B-a
thôn Chí Cường	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 45"	105° 45' 40"					E-48-8-B-a
thôn Chí Phúc	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 48"	105° 46' 37"					E-48-8-B-a
núi Đồng Mùa	SV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 00"	105° 47' 28"					E-48-8-B-a
thôn Giang Sơn 9	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 22"	105° 48' 25"					E-48-8-B-a
thôn Giang Sơn 10	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 10"	105° 47' 49"					E-48-8-B-a
Suối Giáp	TV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung			19° 58' 16"	105° 45' 54"	19° 58' 15"	105° 45' 46"	E-48-8-B-a
thôn Hà Hợp	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 36"	105° 45' 50"					E-48-8-B-a
đền Hàn Sơn	KX	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 36"	105° 46' 30"					E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a
núi Lèn Dài	SV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 43"	105° 47' 35"					E-48-8-B-a
Sông Mã	TV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a
núi Ngọc Sơn	SV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 59' 06"	105° 47' 13"					E-48-8-B-a
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 55"	105° 48' 32"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Ngọc Tiến	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 30"	105° 47' 56"					E-48-8-B-a
núi Quặng Kưu	SV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 29"	105° 48' 47"					E-48-8-B-a
Hồ Sun	TV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 13"	105° 46' 59"					E-48-8-B-a
núi Thông Tứ Quý/ Chí Phúc	SV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 37"	105° 46' 48"					E-48-8-B-a
thôn Tứ Quý	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 27"	105° 47' 13"					E-48-8-B-a
thôn Vĩnh An	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 39"	105° 46' 44"					E-48-8-B-a
đồi Đá Trắng	SV	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 37"	105° 48' 43"					F-48-92-D-c
thôn Đô Mỹ	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 02' 52"	105° 49' 01"					F-48-92-D-c
đập Đồng Vạc	KX	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 53"	105° 47' 40"					F-48-92-D-c
hồ Đồng Vạc	TV	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 40"	105° 47' 56"					F-48-92-D-c
Sông Hoạt	TV	xã Hà Tân	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-c
thôn Nam Thôn 1	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 38"	105° 49' 23"					F-48-92-D-c
thôn Nam Thôn 2	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 02' 07"	105° 49' 38"					F-48-92-D-c
Hang Ruộng	SV	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 56"	105° 48' 50"					F-48-92-D-c
đồi Sao Xỉa	SV	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 19"	105° 48' 50"					F-48-92-D-c
thôn Tam Quy 1	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 45"	105° 48' 18"					F-48-92-D-c
thôn Tam Quy 2	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 33"	105° 48' 15"					F-48-92-D-c
thôn Tam Quy 3	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 47"	105° 48' 33"					F-48-92-D-c
Đồi Thông	SV	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 16"	105° 49' 16"					F-48-92-D-c
đồi Thung Thị	SV	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 40"	105° 47' 20"					F-48-92-D-c
thôn Vỹ Liệt	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 57"	105° 47' 49"					F-48-92-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Bùi Sơn	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	19° 59' 54"	105° 53' 10"					E-48-8-B-b
hồ Hà Thái	TV	xã Hà Thái	H. Hà Trung	19° 59' 31"	105° 53' 32"					E-48-8-B-b, F-48-92-D-d
Núi Kịn	SV	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 40"	105° 53' 42"					F-48-92-D-d
núi Răng Hạc	SV	xã Hà Thái	H. Hà Trung	19° 59' 32"	105° 52' 59"					E-48-8-B-b
thôn Tân Long	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 35"	105° 53' 38"					F-48-92-D-d
thôn Thái Bình	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 27"	105° 53' 27"					F-48-92-D-d
thôn Thái Hòa	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 27"	105° 53' 14"					F-48-92-D-d
thôn Thái Minh 1	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 21"	105° 52' 41"					F-48-92-D-d
thôn Thái Minh 2	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 26"	105° 52' 45"					F-48-92-D-d
thôn Thái Tây	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 21"	105° 53' 13"					F-48-92-D-d
Cầu Cải	KX	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 03' 03"	105° 53' 43"					F-48-92-D-d
Cầu Chợ	KX	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 19"	105° 53' 55"					F-48-92-D-d
núi Đồi Quan	SV	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 19"	105° 53' 05"					F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Hà Thanh	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-d
thôn Tân Chính	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 46"	105° 53' 36"					F-48-92-D-d
thôn Thanh Giang	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 32"	105° 53' 52"					F-48-92-D-d
thôn Thanh Lâm	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 24"	105° 53' 43"					F-48-92-D-d
thôn Thanh Sơn	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 15"	105° 53' 46"					F-48-92-D-d
thôn Thanh Tân	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 10"	105° 53' 23"					F-48-92-D-d
thôn Thanh Trung	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 49"	105° 53' 44"					F-48-92-D-d
thôn Thanh Yên	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 40"	105° 53' 44"					F-48-92-D-d
Sông Tống	TV	xã Hà Thanh	H. Hà Trung			20° 03' 36"	105° 52' 30"	20° 02' 42"	105° 54' 43"	F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Bái Sậy	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 02' 24"	105° 46' 52"					F-48-92-D-c
thôn Bái Sơn	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 02' 42"	105° 48' 04"					F-48-92-D-c
thôn Bồng Sơn	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 17"	105° 46' 16"					F-48-92-D-c
thôn Cẩm Sơn	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 42"	105° 46' 08"					F-48-92-D-c
Hang Chùa	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 02' 17"	105° 47' 13"					F-48-92-D-c
thôn Đầm Sen	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 02' 23"	105° 47' 17"					F-48-92-D-c
thôn Đồng Bồng	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 35"	105° 47' 24"					F-48-92-D-c
đồi Đồng Hang	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 02' 30"	105° 45' 43"					F-48-92-D-c
thôn Đồng Ô	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 24"	105° 47' 53"					F-48-92-D-c
thôn Đồng Tiến	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 05"	105° 47' 20"					F-48-92-D-c
núi Hang Càn	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 02' 44"	105° 46' 26"					F-48-92-D-c
núi Hang Dồn	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 14"	105° 46' 59"					F-48-92-D-c
Sông Hoạt	TV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-c
thôn Hương Đạm	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 00"	105° 46' 23"					F-48-92-D-c
núi Lục Sung	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 42"	105° 45' 07"					F-48-92-D-c
núi Mũi Ngai	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 12"	105° 45' 50"					F-48-92-D-c
đồi Ông Thánh	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 04' 09"	105° 45' 54"					F-48-92-D-c
suối Vạn Bảo	TV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung			20° 06' 28"	105° 46' 44"	20° 04' 39"	105° 46' 51"	F-48-92-D-c
thôn Yên Phú	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 04' 07"	105° 46' 16"					F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 58' 19"	105° 53' 53"					E-48-8-B-b
thôn 2	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 57' 57"	105° 54' 18"					E-48-8-B-b
thôn 3	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 58' 21"	105° 54' 41"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn 4	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 58' 29"	105° 54' 42"					E-48-8-B-b
thôn 5	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 58' 36"	105° 54' 26"					E-48-8-B-b
đường tỉnh 508	KX	xã Hà Toại	H. Hà Trung			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b
Làng Bương	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 57' 57"	105° 54' 18"					E-48-8-B-b
Làng Độ	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 58' 19"	105° 53' 53"					E-48-8-B-b
Sông Hoạt	TV	xã Hà Toại	H. Hà Trung			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Hà Toại	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
Sông Tống	TV	xã Hà Vân	H. Hà Trung			20° 03' 36"	105° 52' 30"	20° 02' 42"	105° 54' 43"	F-48-92-D-d
thôn Vân Cẩm	DC	xã Hà Vân	H. Hà Trung	20° 02' 46"	105° 52' 41"					F-48-92-D-d
thôn Vân Điền	DC	xã Hà Vân	H. Hà Trung	20° 02' 16"	105° 52' 01"					F-48-92-D-c
thôn Vân Hưng	DC	xã Hà Vân	H. Hà Trung	20° 02' 28"	105° 52' 41"					F-48-92-D-d
thôn Vân Thu	DC	xã Hà Vân	H. Hà Trung	20° 02' 44"	105° 52' 20"					F-48-92-D-c
thôn Vân Trụ	DC	xã Hà Vân	H. Hà Trung	20° 02' 42"	105° 52' 34"					F-48-92-D-d
đồi Vân Xá	SV	xã Hà Vân	H. Hà Trung	20° 02' 45"	105° 52' 12"					F-48-92-D-c
thôn Vân Xá	DC	xã Hà Vân	H. Hà Trung	20° 02' 55"	105° 52' 19"					F-48-92-D-c
thôn Vân Yên	DC	xã Hà Vân	H. Hà Trung	20° 02' 01"	105° 52' 01"					F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 51"	105° 55' 09"					F-48-92-D-d
thôn 2	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 37"	105° 55' 16"					F-48-92-D-d
thôn 3	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 02' 48"	105° 55' 35"					F-48-92-D-d
thôn 4	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 20"	105° 56' 03"					F-48-92-D-d
thôn 5	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 02' 49"	105° 56' 12"					F-48-92-D-d
thôn 7	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 02' 50"	105° 57' 00"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn 8	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 19"	105° 57' 37"					F-48-92-D-d
thôn 9	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 44"	105° 56' 53"					F-48-92-D-d
thôn 10	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 04' 00"	105° 56' 39"					F-48-92-D-d
thôn 11	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 56"	105° 56' 07"					F-48-92-D-d
thôn 12	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 04' 03"	105° 55' 37"					F-48-92-D-d
Đồi Cốc	SV	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 54"	105° 56' 13"					F-48-92-D-d
làng Đại Lợi	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 02' 57"	105° 55' 34"					F-48-92-D-d
làng Đông Thị	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 02' 51"	105° 56' 10"					F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Hà Vinh	H. Hà Trung			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	F-48-92-D-d
Núi Lồng	SV	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 41"	105° 56' 35"					F-48-92-D-d
làng Lương Thôn	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 20"	105° 56' 02"					F-48-92-D-d
đồi Màn Đan	SV	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 04' 15"	105° 56' 10"					F-48-92-D-d
làng Tân Vinh	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 04' 00"	105° 56' 31"					F-48-92-D-d
quốc lộ 1A	KX	xã Hà Yên	H. Hà Trung			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 02' 55"	105° 49' 19"					F-48-92-D-c
thôn 2	DC	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 02' 56"	105° 49' 37"					F-48-92-D-c
thôn 3	DC	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 02' 58"	105° 49' 44"					F-48-92-D-c
thôn 4	DC	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 03' 00"	105° 49' 59"					F-48-92-D-c
thôn 5	DC	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 02' 33"	105° 50' 33"					F-48-92-D-c
thôn 6	DC	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 02' 25"	105° 50' 34"					F-48-92-D-c
sông Chiếu Bạch	TV	xã Hà Yên	H. Hà Trung			20° 02' 51"	105° 50' 40"	19° 59' 07"	105° 51' 43"	F-48-92-D-c
Cầu Cừ	KX	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 02' 52"	105° 50' 38"					F-48-92-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Sông Hoạt	TV	xã Hà Yên	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-c
khu 1	DC	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 50"	105° 53' 02"					E-48-8-B-b
khu 2	DC	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 54"	105° 53' 10"					E-48-8-B-b
khu 3	DC	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 20"	105° 53' 21"					E-48-8-B-b
khu 4	DC	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 28"	105° 53' 30"					E-48-8-B-b
khu 5	DC	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 54"	105° 52' 48"					E-48-8-B-b
khu 6	DC	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 17"	105° 53' 06"					E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-b
sông Trà Giang	TV	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-b
cầu Do Hạ	KX	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 10"	105° 53' 31"					E-48-8-B-b
Sông Mới	TV	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc			19° 55' 15"	105° 53' 17"	19° 53' 23"	105° 54' 01"	E-48-8-B-b
mương 10 Xã	TV	xã Cầu Lộc	H. Hậu Lộc			19° 58' 07"	105° 49' 12"	19° 57' 28"	105° 53' 53"	E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
thôn Cầu Hòa	DC	xã Cầu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 37"	105° 51' 47"					E-48-8-B-a
thôn Cầu Tài	DC	xã Cầu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 19"	105° 52' 19"					E-48-8-B-a
thôn Cầu Thành	DC	xã Cầu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 45"	105° 51' 58"					E-48-8-B-a
thôn Cầu Thọ	DC	xã Cầu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 43"	105° 52' 12"					E-48-8-B-a
thôn Đông Sơn	DC	xã Cầu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 49"	105° 52' 23"					E-48-8-B-a
thôn Đông Tân	DC	xã Cầu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 05"	105° 52' 48"					E-48-8-B-b
thôn Đông Thành	DC	xã Cầu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 55"	105° 52' 23"					E-48-8-B-a
thôn Đông Thịnh	DC	xã Cầu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 57"	105° 52' 16"					E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Cầu Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a,

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Sơn Đông	SV	xã Cầu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 37"	105° 51' 25"					E-48-8-B-a
thôn Thiều Hưng	DC	xã Cầu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 59"	105° 53' 02"					E-48-8-B-b
thôn Thiều Huy	DC	xã Cầu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 36"	105° 52' 23"					E-48-8-B-a
thôn Thiều Quang	DC	xã Cầu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 46"	105° 52' 12"					E-48-8-B-a
thôn Thiều Trung	DC	xã Cầu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 34"	105° 52' 34"					E-48-8-B-b
thôn Thiều Văn	DC	xã Cầu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 41"	105° 52' 16"					E-48-8-B-a
mương 10 Xã	TV	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc			19° 58' 07"	105° 49' 12"	19° 57' 28"	105° 53' 53"	E-48-8-B-a
Núi Bái	SV	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 13"	105° 46' 24"					E-48-8-B-a
thôn Châu Tử 1	DC	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 24"	105° 48' 42"					E-48-8-B-a
thôn Châu Tử 2	DC	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 07"	105° 48' 26"					E-48-8-B-a
Đền Hàn	KX	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 13"	105° 46' 55"					E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a
Núi Mai	SV	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 27"	105° 49' 23"					E-48-8-B-a
thôn Quyết Thắng	DC	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 53"	105° 48' 50"					E-48-8-B-a
núi Rừng Xanh	SV	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 05"	105° 48' 18"					E-48-8-B-a
thôn Tam Đa	DC	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 46"	105° 47' 24"					E-48-8-B-a
thôn Tam Phong 1	DC	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 14"	105° 47' 31"					E-48-8-B-a
thôn Tam Phong 2	DC	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 05"	105° 47' 13"					E-48-8-B-a
núi Xuân Tu	SV	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 42"	105° 47' 02"					E-48-8-B-a
thôn Đông Hải	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 49"	105° 58' 19"					E-48-8-B-b
thôn Đông Hòa	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 14"	105° 58' 23"					E-48-8-B-b
thôn Đông Tân	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 03"	105° 58' 59"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Đông Thành	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 14"	105° 58' 37"					E-48-8-B-b
thôn Hùng Thành	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 59"	105° 59' 20"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b, E-48-9-A-a
thôn Mỹ Điền	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 17"	105° 57' 50"					E-48-8-B-b
thôn Ninh Phú	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 28"	105° 58' 16"					E-48-8-B-b
Lạch Sung	TV	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 07"	106° 00' 04"	19° 56' 40"	106° 00' 09"	E-48-8-B-b, E-48-9-A-a
thôn Vạn Thắng	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 42"	105° 57' 58"					E-48-8-B-b
thôn Yên Đông	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 36"	105° 58' 59"					E-48-8-B-b
thôn Yên Lộc	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 48"	105° 59' 17"					E-48-8-B-b
quốc lộ 1A	KX	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a
mương 10 Xã	TV	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc			19° 58' 07"	105° 49' 12"	19° 57' 28"	105° 53' 53"	E-48-8-B-a
kênh B3	TV	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc			19° 58' 18"	105° 50' 42"	19° 56' 43"	105° 49' 02"	E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a
Núi Mai	SV	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 27"	105° 49' 23"					E-48-8-B-a
làng Ngọc Trì	DC	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 30"	105° 50' 17"					E-48-8-B-a
làng Phú Lý	DC	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 57"	105° 49' 44"					E-48-8-B-a
làng Phú Ngọc	DC	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 17"	105° 49' 44"					E-48-8-B-a
làng Tân Thành	DC	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 28"	105° 50' 10"					E-48-8-B-a
làng Y Ngô	DC	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 18"	105° 50' 02"					E-48-8-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 36"	105° 50' 33"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn 2	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 35"	105° 50' 43"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 37"	105° 50' 53"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 30"	105° 51' 36"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 23"	105° 51' 29"					E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 20"	105° 51' 14"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 09"	105° 51' 28"					E-48-8-B-a
Cầu Lèn	KX	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 49"	105° 50' 31"					E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a
thôn Đa Phạn	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 33"	105° 56' 48"					E-48-8-B-b
Sông De	TV	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"	E-48-8-B-b
thôn Hưng Thái	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 45"	105° 56' 48"					E-48-8-B-b
cửa Lạch Trường	TV	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 19"	105° 56' 43"					E-48-8-B-b
sông Lạch Trường	TV	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-(b,d)
thôn Lạch Trường	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 25"	105° 56' 49"					E-48-8-B-b
thôn Lộc Tiên	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 08"	105° 56' 43"					E-48-8-B-b
thôn Tân Lộc	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 16"	105° 56' 46"					E-48-8-B-b
thôn Thắng Hùng	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 45"	105° 56' 53"					E-48-8-B-b
thôn Trường Nam	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 43"	105° 56' 22"					E-48-8-B-b
thôn Y Bích	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 58"	105° 56' 47"					E-48-8-B-b
thôn 1	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 09"	105° 55' 34"					E-48-8-B-b
thôn 2	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 01"	105° 55' 29"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn 3	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 49"	105° 55' 23"					E-48-8-B-b
thôn 4	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 39"	105° 55' 22"					E-48-8-B-b
thôn 5	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 45"	105° 55' 12"					E-48-8-B-b
thôn 6	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 56"	105° 54' 53"					E-48-8-B-b
thôn 7	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 56"	105° 54' 46"					E-48-8-B-b
thôn 8	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 37"	105° 54' 07"					E-48-8-B-b
thôn 9	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 47"	105° 55' 59"					E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-b
sông Trà Giang	TV	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-b
kênh 5 Xã	TV	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 00"	105° 54' 13"	19° 53' 19"	105° 54' 36"	E-48-8-B-b
cầu Đầm Giỏ	KX	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 53"	105° 54' 29"					E-48-8-B-b
Cầu De	KX	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 45"	105° 56' 06"					E-48-8-B-b
Sông De	TV	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"	E-48-8-B-b
cửa Lạch Trường	TV	xã Hòa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 19"	105° 56' 43"					E-48-8-B-b
thôn 1 Bái Trung	DC	xã Hòa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 23"	105° 55' 03"					E-48-8-B-b
thôn 1 Tam Hòa	DC	xã Hòa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 41"	105° 55' 47"					E-48-8-B-b
thôn 2 Bái Trung	DC	xã Hòa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 12"	105° 55' 12"					E-48-8-B-b
thôn 2 Tam Hòa	DC	xã Hòa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 40"	105° 55' 52"					E-48-8-B-b
thôn 3 Bái Trung	DC	xã Hòa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 59"	105° 55' 09"					E-48-8-B-b
thôn 4 Xuân Tiến	DC	xã Hòa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 08"	105° 55' 49"					E-48-8-B-b
kênh 5 Xã	TV	xã Hòa Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 00"	105° 54' 13"	19° 53' 19"	105° 54' 36"	E-48-8-B-b
thôn 5 Xuân Tiến	DC	xã Hòa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 20"	105° 55' 51"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Sông De	TV	xã Hòa Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"	E-48-8-B-b
thôn Hòa Hải	DC	xã Hòa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 34"	105° 55' 37"					E-48-8-B-b
thôn Hòa Ngư	DC	xã Hòa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 23"	105° 55' 30"					E-48-8-B-b
thôn Hòa Phú	DC	xã Hòa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 29"	105° 55' 56"					E-48-8-B-b
sông Lạch Trường	TV	xã Hòa Lộc	H. Hậu Lộc			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-b
thôn Nam Huân	DC	xã Hòa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 39"	105° 55' 23"					E-48-8-B-b
thôn Tam Thắng	DC	xã Hòa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 31"	105° 55' 43"					E-48-8-B-b
thôn Xuân Tiến 5	DC	xã Hòa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 12"	105° 55' 52"					E-48-8-B-b
Sông De	TV	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"	E-48-8-B-b
thôn Đông Hòa	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 48"	105° 57' 10"					E-48-8-B-b
thôn Hưng Bắc	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 10"	105° 57' 54"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
thôn Phú Hòa	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 07"	105° 57' 40"					E-48-8-B-b
thôn Phú Nhi	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 09"	105° 56' 35"					E-48-8-B-b
thôn Phú Vượng	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 04"	105° 57' 33"					E-48-8-B-b
thôn Phú Xuân	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 07"	105° 57' 23"					E-48-8-B-b
thôn Tân Hưng	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 07"	105° 57' 46"					E-48-8-B-b
thôn Tây Hòa	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 46"	105° 56' 58"					E-48-8-B-b
thôn Thái Hòa	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 40"	105° 57' 12"					E-48-8-B-b
thôn Yên Hòa	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 25"	105° 57' 11"					E-48-8-B-b
thôn Yên Mỹ	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 37"	105° 56' 56"					E-48-8-B-b
thôn Yên Thịnh	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 30"	105° 56' 53"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn 1	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 28"	105° 54' 43"					E-48-8-B-b
thôn 2	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 47"	105° 54' 40"					E-48-8-B-b
thôn 3	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 48"	105° 55' 05"					E-48-8-B-b
thôn 4	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 57"	105° 55' 02"					E-48-8-B-b
thôn 5	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 27"	105° 55' 02"					E-48-8-B-b
thôn 6	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 29"	105° 55' 08"					E-48-8-B-b
thôn 7	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 39"	105° 55' 38"					E-48-8-B-b
thôn 8	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 52"	105° 55' 37"					E-48-8-B-b
thôn 9	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 32"	105° 54' 12"					E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-b
sông Trà Giang	TV	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-b
Sông De	TV	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"	E-48-8-B-b
Làng Giang	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 47"	105° 54' 40"					E-48-8-B-b
làng Khoa Trì	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 32"	105° 55' 34"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
làng Liên Hoa	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 48"	105° 55' 05"					E-48-8-B-b
làng Liên Trường	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 57"	105° 55' 02"					E-48-8-B-b
làng Miễn Nhị	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 28"	105° 54' 43"					E-48-8-B-b
Cầu phao Thắm	KX	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 56"	105° 55' 40"					E-48-8-B-b
Làng Thắm	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 52"	105° 55' 37"					E-48-8-B-b
sông Trà Giang	TV	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a
thôn Đại Thống	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 55' 30"	105° 52' 14"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Hổ Cứ	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 55' 21"	105° 52' 07"					E-48-8-B-a
thôn Khánh Vượng 1	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 55' 26"	105° 51' 36"					E-48-8-B-a
thôn Khánh Vượng 2	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 55' 30"	105° 51' 47"					E-48-8-B-a
thôn La Mát 1	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 56' 38"	105° 52' 05"					E-48-8-B-a
thôn La Mát 2	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 56' 40"	105° 52' 34"					E-48-8-B-a
thôn Linh Long	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 55' 29"	105° 51' 56"					E-48-8-B-a
thôn Phúc Thọ	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 55' 27"	105° 52' 05"					E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
thôn Công Minh	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 11"	105° 53' 11"					E-48-8-B-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 25"	105° 52' 30"					E-48-8-B-a
thôn Làng Mới	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 56' 27"	105° 52' 48"					E-48-8-B-b
thôn Minh Tân	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 56' 03"	105° 53' 17"					E-48-8-B-b
thôn Ngọc Chi	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 07"	105° 52' 26"					E-48-8-B-a
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 02"	105° 52' 24"					E-48-8-B-a
thôn Ngọc Thụ	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 04"	105° 52' 28"					E-48-8-B-a
thôn Phú Cường	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 54' 54"	105° 52' 34"					E-48-8-B-b
thôn Tân Tiến	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 25"	105° 52' 32"					E-48-8-B-a
thôn Xuân Đài	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 36"	105° 52' 54"					E-48-8-B-b
thôn Xuân Kỳ	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 40"	105° 52' 41"					E-48-8-B-b
thôn Xuân Lộc	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 43"	105° 52' 42"					E-48-8-B-b
thôn Yên Hòa	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 19"	105° 53' 13"					E-48-8-B-b
Cầu De	KX	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 45"	105° 56' 06"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Sông De	TV	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"	E-48-8-B-b
thôn Minh Đức	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 00"	105° 56' 56"					E-48-8-B-b
thôn Minh Hải	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 16"	105° 56' 55"					E-48-8-B-b
thôn Minh Hợp	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 37"	105° 57' 21"					E-48-8-B-b
thôn Minh Hùng	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 42"	105° 56' 30"					E-48-8-B-b
thôn Minh Hưng	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 47"	105° 56' 49"					E-48-8-B-b
thôn Minh Phú	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 30"	105° 56' 31"					E-48-8-B-b
thôn Minh Phúc	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 09"	105° 56' 55"					E-48-8-B-b
thôn Minh Thắng	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 41"	105° 57' 14"					E-48-8-B-b
thôn Minh Thanh	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 34"	105° 56' 52"					E-48-8-B-b
thôn Minh Thành	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 16"	105° 56' 28"					E-48-8-B-b
thôn Minh Thịnh	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 49"	105° 57' 03"					E-48-8-B-b
thôn Minh Thọ	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 32"	105° 57' 11"					E-48-8-B-b
thôn Minh Tiến	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 43"	105° 57' 20"					E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
Sông Ấu	TV	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc			19° 54' 46"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a
thôn Đại Hữu	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 42"	105° 52' 11"					E-48-8-B-a
thôn Khoan Hồng	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 35"	105° 51' 36"					E-48-8-B-a
thôn Liên Hoan	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 12"	105° 50' 56"					E-48-8-B-a
thôn Liên Minh	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 55"	105° 51' 11"					E-48-8-B-a
thôn Liên Quy	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 46"	105° 51' 22"					E-48-8-B-a
thôn Minh Đức	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 58"	105° 51' 32"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
sông Trà Giang	TV	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
thôn Trần Phú	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 06"	105° 51' 43"					E-48-8-B-a
thôn Vũ Thành	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 08"	105° 52' 05"					E-48-8-B-a
thôn Bắc Thọ	DC	xã Ngư Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 03"	105° 57' 47"					E-48-8-B-b
thôn Chiến Thắng	DC	xã Ngư Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 51"	105° 57' 19"					E-48-8-B-b
thôn Nam Vượng	DC	xã Ngư Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 00"	105° 57' 43"					E-48-8-B-b
thôn Thắng Lộc	DC	xã Ngư Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 51"	105° 57' 34"					E-48-8-B-b
thôn Thắng Phúc	DC	xã Ngư Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 50"	105° 57' 25"					E-48-8-B-b
thôn Thắng Tây	DC	xã Ngư Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 59"	105° 57' 32"					E-48-8-B-b
thôn Thành Lập	DC	xã Ngư Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 42"	105° 57' 24"					E-48-8-B-b
sông Trà Giang	TV	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-b
Thôn Cầu	DC	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 28"	105° 53' 38"					E-48-8-B-b
Thôn Chùa	DC	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 43"	105° 53' 38"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
thôn Lộc Động	DC	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 35"	105° 53' 56"					E-48-8-B-b
Thôn Ngoài	DC	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 27"	105° 53' 28"					E-48-8-B-b
thôn Phú Lạc	DC	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 36"	105° 53' 06"					E-48-8-B-b
thôn Bái Cù	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 39"	105° 55' 04"					E-48-8-B-b
Cầu De	KX	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 45"	105° 56' 06"					E-48-8-B-b
Sông De	TV	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"	E-48-8-B-b
thôn Đồng Hóp	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 41"	105° 54' 25"					E-48-8-B-b
Thôn Giữa	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 16"	105° 55' 01"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Thôn Hậu	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 26"	105° 55' 05"					E-48-8-B-b
kênh Năm Xã	TV	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 00"	105° 54' 13"	19° 53' 19"	105° 54' 36"	E-48-8-B-b
thôn Phú Đa	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 58"	105° 55' 44"					E-48-8-B-b
thôn Phú Ninh	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 44"	105° 54' 50"					E-48-8-B-b
thôn Phú Thịnh	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 59"	105° 53' 46"					E-48-8-B-b
thôn Thuần Nhất	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 29"	105° 55' 34"					E-48-8-B-b
Thôn Trước	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 05"	105° 55' 16"					E-48-8-B-b
thôn Xuân Yên	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 15"	105° 55' 44"					E-48-8-B-b
sông Trà Giang	TV	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-b
thôn Bạch Đầu	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 48"	105° 55' 01"					E-48-8-B-b
Núi Chúa	SV	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 42"	105° 55' 16"					E-48-8-B-b
thôn Hiển Vinh	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 30"	105° 54' 54"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
Núi Nứa	SV	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 00"	105° 55' 12"					E-48-8-B-b
thôn Núi Chúa	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 35"	105° 55' 16"					E-48-8-B-b
thôn Quang Minh	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 09"	105° 55' 19"					E-48-8-B-b
thôn Quang Tân	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 50"	105° 54' 11"					E-48-8-B-b
thôn Quang Xuân	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 27"	105° 55' 16"					E-48-8-B-b
thôn Tường Lộc	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 04"	105° 54' 40"					E-48-8-B-b
thôn Yên Khê	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 19"	105° 55' 30"					E-48-8-B-b
thôn Yên Ổn	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 57"	105° 55' 19"					E-48-8-B-b
thôn 1	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 27"	105° 51' 32"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn 2	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 28"	105° 51' 25"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 31"	105° 51' 14"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 36"	105° 51' 04"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 35"	105° 50' 59"					E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 33"	105° 50' 28"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 39"	105° 51' 25"					E-48-8-B-a
thôn 8	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 47"	105° 51' 23"					E-48-8-B-a
thôn 9	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 49"	105° 51' 41"					E-48-8-B-a
thôn 10	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 05"	105° 50' 46"					E-48-8-B-a
mương 10 Xã	TV	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc			19° 58' 07"	105° 49' 12"	19° 57' 28"	105° 53' 53"	E-48-8-B-a
Núi Bần	SV	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 49"	105° 50' 31"					E-48-8-B-a
núi Sơn Đông	SV	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 37"	105° 51' 25"					E-48-8-B-a
quốc lộ 10	KX	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-b
sông Trà Giang	TV	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-b
cầu Do Hạ	KX	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 10"	105° 53' 31"					E-48-8-B-b
thôn Hòa Bình	DC	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 49"	105° 53' 10"					E-48-8-B-b
thôn Phú Yên	DC	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 29"	105° 54' 03"					E-48-8-B-b
thôn Trung Phú	DC	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 16"	105° 53' 35"					E-48-8-B-b
thôn Yên Nội	DC	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 29"	105° 53' 20"					E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Thuần Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Thuần Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a
thôn Bộ Đầu	DC	xã Thuần Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 21"	105° 51' 25"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
sông Cầu Sài	TV	xã Thuần Lộc	H. Hậu Lộc			19° 54' 00"	105° 49' 59"	19° 53' 38"	105° 51' 45"	E-48-8-B-a
thôn Lam Hạ	DC	xã Thuần Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 26"	105° 50' 56"					E-48-8-B-a
thôn Lam Thượng	DC	xã Thuần Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 23"	105° 50' 31"					E-48-8-B-a
thôn Nhuệ Thôn	DC	xã Thuần Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 40"	105° 49' 59"					E-48-8-B-a
thôn Yên Thường	DC	xã Thuần Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 45"	105° 50' 49"					E-48-8-B-a
Sông Ấu	TV	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc			19° 54' 46"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a
Núi Bần	SV	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 29"	105° 50' 08"					E-48-8-B-a
chùa Báo Ân Tháp Tự	KX	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 36"	105° 50' 49"					E-48-8-B-a
thôn Bùi 1	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 56"	105° 50' 38"					E-48-8-B-a
thôn Bùi 2	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 29"	105° 50' 28"					E-48-8-B-a
thôn Ngọ 1	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 29"	105° 50' 52"					E-48-8-B-a
thôn Ngọ 2	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 18"	105° 50' 50"					E-48-8-B-a
thôn Sơn 1	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 49"	105° 50' 56"					E-48-8-B-a
thôn Sơn 2	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 40"	105° 50' 56"					E-48-8-B-a
thôn Xuân Hội 1	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 50"	105° 50' 28"					E-48-8-B-a
thôn Xuân Hội 2	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 08"	105° 50' 13"					E-48-8-B-a
thôn Xuân Thị Trang	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 46"	105° 51' 00"					E-48-8-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a
kênh B3	TV	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc			19° 58' 18"	105° 50' 42"	19° 56' 43"	105° 49' 02"	E-48-8-B-a
đền Bà Triệu	KX	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 53"	105° 48' 58"					E-48-8-B-a
Núi Gai	SV	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 44"	105° 49' 05"					E-48-8-B-a
núi Mả Nai	SV	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 27"	105° 49' 23"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
kênh N1	TV	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc			19° 55' 22"	105° 46' 05"	19° 56' 43"	105° 49' 02"	E-48-8-B-a
xóm Phú Cường	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 37"	105° 49' 08"					E-48-8-B-a
thôn Phú Gia	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 28"	105° 47' 49"					E-48-8-B-a
xóm Phú Hoa	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 27"	105° 49' 05"					E-48-8-B-a
thôn Phú Lương	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 56"	105° 48' 32"					E-48-8-B-a
xóm Phú Sơn	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 18"	105° 48' 36"					E-48-8-B-a
xóm Phú Thịnh	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 20"	105° 49' 01"					E-48-8-B-a
xóm Phú Thượng	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 00"	105° 49' 05"					E-48-8-B-a
xóm Phú Xuân	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 03"	105° 49' 23"					E-48-8-B-a
núi Rừng Xanh	SV	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 05"	105° 48' 18"					E-48-8-B-a
Đập Ruội	KX	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 36"	105° 49' 23"					E-48-8-B-a
núi Sơn Trang	SV	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 48"	105° 47' 22"					E-48-8-B-a
cầu Tùng Sơn	KX	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 21"	105° 48' 47"					E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-b
mương 10 Xã	TV	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc			19° 58' 07"	105° 49' 12"	19° 57' 28"	105° 53' 53"	E-48-8-B-b
Thôn Cách	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 46"	105° 53' 35"					E-48-8-B-b
thôn Đa Cui	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 10"	105° 53' 15"					E-48-8-B-b
thôn Đa Tiến	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 27"	105° 53' 32"					E-48-8-B-b
Thôn Đọ	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 22"	105° 52' 59"					E-48-8-B-b
thôn Đông Đoài	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 38"	105° 53' 06"					E-48-8-B-b
thôn Hà Phấn	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 56"	105° 53' 53"					E-48-8-B-b
thôn Phú Tuy	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 36"	105° 53' 13"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Phú Vinh	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 14"	105° 53' 56"					E-48-8-B-b
thôn Thành Tuy	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 46"	105° 53' 02"					E-48-8-B-b
thôn Thọ Lộc	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 48"	105° 54' 06"					E-48-8-B-b
thôn Thượng Trung	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 26"	105° 53' 35"					E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
thôn Hà Mát	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 58"	105° 52' 05"					E-48-8-B-a
sông Lạch Trường	TV	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
thôn Mỹ Điện	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 53"	105° 51' 40"					E-48-8-B-a
thôn Mỹ Quang	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 47"	105° 51' 44"					E-48-8-B-a
thôn Tinh Anh	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 05"	105° 51' 17"					E-48-8-B-a
thôn Tinh Hoa	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 22"	105° 51' 25"					E-48-8-B-a
thôn Tinh Lộc	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 13"	105° 51' 18"					E-48-8-B-a
thôn Tinh Phú	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 18"	105° 51' 17"					E-48-8-B-a
thôn Văn Xuân	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 22"	105° 52' 16"					E-48-8-B-a
xóm 7	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 30"	105° 54' 07"					E-48-8-B-b
xóm 8	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 44"	105° 53' 51"					E-48-8-B-b
xóm 13	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 18"	105° 53' 56"					E-48-8-B-b
kênh 5 Xã	TV	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 00"	105° 54' 13"	19° 53' 19"	105° 54' 36"	E-48-8-B-b
xóm Bái Hà Xuân	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 41"	105° 53' 46"					E-48-8-B-b
xóm Đông Thịnh	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 57"	105° 53' 49"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
xóm Đồng Thượng	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 48"	105° 53' 10"					E-48-8-B-b
xóm Hòa Lan	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 08"	105° 52' 55"					E-48-8-B-b
sông Lạch Trường	TV	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-b
xóm Phú Mỹ 1	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 41"	105° 54' 11					E-48-8-B-b
xóm Phú Mỹ 2	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 30"	105° 54' 22"					E-48-8-B-b
Cầu Gòng	KX	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hóa	19° 51' 21"	105° 51' 11"					E-48-8-B-c
cầu Gòng 2	KX	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hóa	19° 51' 19"	105° 50' 56"					E-48-8-B-c
phố Đạo Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hóa	19° 51' 18"	105° 51' 15"					E-48-8-B-c
phố Đức Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hóa	19° 52' 10"	105° 51' 07"					E-48-8-B-c
Sông Gòng	TV	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hóa			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"	E-48-8-B-c
phố Hưng Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hóa	19° 51' 28"	105° 51' 01"					E-48-8-B-c
sông Lạch Trường	TV	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hóa			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-(a,c)
Kênh Nam	TV	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hóa			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-c
phố Phúc Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hóa	19° 52' 06"	105° 51' 15"					E-48-8-B-c
phố Tân Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hóa	19° 51' 57"	105° 51' 05"					E-48-8-B-c
phố Trung Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hóa	19° 50' 53"	105° 51' 02"					E-48-8-B-c
phố Vinh Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hóa	19° 51' 12"	105° 51' 09"					E-48-8-B-c
thôn Ba Đình	DC	xã Hoằng Cát	H. Hoằng Hóa	19° 52' 19"	105° 49' 28"					E-48-8-B-c
thôn Cát Nội	DC	xã Hoằng Cát	H. Hoằng Hóa	19° 52' 21"	105° 49' 12"					E-48-8-B-c
thôn Đức Thành	DC	xã Hoằng Cát	H. Hoằng Hóa	19° 52' 44"	105° 50' 11"					E-48-8-B-a
sông Lạch Trường	TV	xã Hoằng Cát	H. Hoằng Hóa			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-(a,c)
kênh N13	TV	xã Hoằng Cát	H. Hoằng Hóa			19° 53' 02"	105° 51' 25"	19° 52' 09"	105° 48' 25"	E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Cát	H. Hoằng Hóa			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-c
thôn Nam Bình	DC	xã Hoằng Cát	H. Hoằng Hóa	19° 51' 49"	105° 48' 39"					E-48-8-B-c
thôn Nam Thọ	DC	xã Hoằng Cát	H. Hoằng Hóa	19° 52' 41"	105° 50' 01"					E-48-8-B-a
thôn Nhị Hà	DC	xã Hoằng Cát	H. Hoằng Hóa	19° 52' 02"	105° 49' 13"					E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hóa	19° 47' 37"	105° 51' 30"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hóa	19° 47' 46"	105° 51' 39"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hóa	19° 47' 50"	105° 51' 47"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hóa	19° 47' 56"	105° 51' 56"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hóa	19° 47' 45"	105° 51' 56"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hóa	19° 47' 30"	105° 52' 07"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hóa	19° 47' 32"	105° 52' 13"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hóa	19° 47' 23"	105° 52' 14"					E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hóa	19° 47' 41"	105° 52' 21"					E-48-8-B-c
thôn 10	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hóa	19° 47' 23"	105° 52' 28"					E-48-8-B-c
thôn 11	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hóa	19° 47' 10"	105° 52' 30"					E-48-8-B-c
thôn 12	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hóa	19° 47' 07"	105° 52' 43"					E-48-8-B-d
thôn 13	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hóa	19° 47' 04"	105° 52' 50"					E-48-8-B-d
thôn 14	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hóa	19° 46' 59"	105° 52' 58"					E-48-8-B-d
Sông Mã	TV	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-(c,d)
Cửa Hới	TV	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hóa	19° 47' 08"	105° 55' 37"					E-48-8-B-d
thôn Cầu Hiền	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hóa	19° 51' 23"	105° 51' 40"					E-48-8-B-c
Sông Cung	TV	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hóa			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Sông Đằng	TV	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hóa			19° 51' 50"	105° 52' 05"	19° 51' 15"	105° 53' 31"	E-48-8-B-c, E-48-8-B-d
thôn Đằng Trung	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hóa	19° 51' 01"	105° 52' 43"					E-48-8-B-d
thôn Đạo Khang	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hóa	19° 51' 13"	105° 52' 53"					E-48-8-B-d
thôn Đạo Lý	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hóa	19° 51' 56"	105° 52' 37"					E-48-8-B-d
thôn Đạo Ninh	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hóa	19° 51' 09"	105° 52' 34"					E-48-8-B-c
thôn Đạo Tài	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hóa	19° 51' 15"	105° 52' 46"					E-48-8-B-d
thôn Dư Khánh	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hóa	19° 51' 20"	105° 51' 29"					E-48-8-B-c
Sông Gòng	TV	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hóa			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"	E-48-8-B-c
thôn Luyện Phú	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hóa	19° 50' 55"	105° 52' 06"					E-48-8-B-c
thôn Luyện Tây	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hóa	19° 51' 01"	105° 51' 54"					E-48-8-B-c
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hóa			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-c, E-48-8-B-d
thôn Nhân Phúc	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hóa	19° 51' 27"	105° 52' 21"					E-48-8-B-c
thôn Nhân Trạch	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hóa	19° 51' 14"	105° 53' 07"					E-48-8-B-d
thôn Tê Thôn	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hóa	19° 51' 09"	105° 51' 38"					E-48-8-B-c
thôn Yên Trường	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hóa	19° 51' 36"	105° 52' 08"					E-48-8-B-c
Sông Đằng	TV	xã Hoằng Đạt	H. Hoằng Hóa			19° 51' 50"	105° 52' 05"	19° 51' 15"	105° 53' 31"	E-48-8-B-d
thôn Hạ Vũ 1	DC	xã Hoằng Đạt	H. Hoằng Hóa	19° 53' 12"	105° 52' 21"					E-48-8-B-a
thôn Hạ Vũ 2	DC	xã Hoằng Đạt	H. Hoằng Hóa	19° 53' 30"	105° 52' 31"					E-48-8-B-b
sông Lạch Trường	TV	xã Hoằng Đạt	H. Hoằng Hóa			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-a
thôn Tam Nguyên	DC	xã Hoằng Đạt	H. Hoằng Hóa	19° 53' 31"	105° 52' 07"					E-48-8-B-a
thôn Trù Ninh	DC	xã Hoằng Đạt	H. Hoằng Hóa	19° 52' 40"	105° 52' 07"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn 1	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hóa	19° 50' 03"	105° 54' 44"					E-48-8-B-d
thôn 2	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hóa	19° 49' 46"	105° 54' 44"					E-48-8-B-d
thôn 3	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hóa	19° 49' 48"	105° 54' 28"					E-48-8-B-d
thôn 4	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hóa	19° 49' 37"	105° 54' 28"					E-48-8-B-d
thôn 5	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hóa	19° 49' 09"	105° 54' 34"					E-48-8-B-d
thôn 6	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hóa	19° 49' 08"	105° 54' 24"					E-48-8-B-d
thôn 7	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hóa	19° 49' 16"	105° 54' 23"					E-48-8-B-d
thôn 8	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hóa	19° 49' 25"	105° 54' 22"					E-48-8-B-d
thôn 9	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hóa	19° 49' 33"	105° 54' 15"					E-48-8-B-d
thôn 10	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hóa	19° 49' 47"	105° 54' 15"					E-48-8-B-d
thôn 11	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hóa	19° 49' 27"	105° 54' 14"					E-48-8-B-d
Sông Cung	TV	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hóa			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d
thôn 1	DC	xã Hoằng Đồng	H. Hoằng Hóa	19° 50' 18"	105° 50' 48"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Đồng	H. Hoằng Hóa	19° 50' 15"	105° 50' 45"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoằng Đồng	H. Hoằng Hóa	19° 50' 28"	105° 50' 36"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoằng Đồng	H. Hoằng Hóa	19° 50' 28"	105° 50' 29"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Đồng	H. Hoằng Hóa	19° 50' 15"	105° 50' 34"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Đồng	H. Hoằng Hóa	19° 50' 12"	105° 50' 18"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Đồng	H. Hoằng Hóa	19° 50' 18"	105° 50' 13"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoằng Đồng	H. Hoằng Hóa	19° 50' 27"	105° 50' 16"					E-48-8-B-c
kênh N18	TV	xã Hoằng Đồng	H. Hoằng Hóa			19° 51' 06"	105° 49' 41"	19° 49' 23"	105° 49' 08"	E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hóa	19° 52' 08"	105° 50' 48"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn 4	DC	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hóa	19° 52' 01"	105° 50' 52"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hóa	19° 52' 07"	105° 50' 52"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hóa	19° 52' 04"	105° 50' 17"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hóa	19° 51' 49"	105° 50' 37"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hóa	19° 51' 45"	105° 50' 35"					E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hóa	19° 51' 51"	105° 50' 44"					E-48-8-B-c
quốc lộ 10	KX	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hóa			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-(a,c)
thôn 10	DC	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hóa	19° 51' 43"	105° 50' 43"					E-48-8-B-c
thôn 11	DC	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hóa	19° 51' 29"	105° 50' 54"					E-48-8-B-c
Sông Gòng	TV	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hóa			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"	E-48-8-B-c
sông Lạch Trường	TV	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hóa			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-(a,c)
thôn 1	DC	xã Hoằng Giang	H. Hoằng Hóa	19° 53' 28"	105° 46' 00"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hoằng Giang	H. Hoằng Hóa	19° 53' 17"	105° 45' 53"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hoằng Giang	H. Hoằng Hóa	19° 53' 05"	105° 46' 02"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hoằng Giang	H. Hoằng Hóa	19° 53' 12"	105° 46' 14"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hoằng Giang	H. Hoằng Hóa	19° 53' 04"	105° 46' 17"					E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Hoằng Giang	H. Hoằng Hóa	19° 52' 50"	105° 46' 13"					E-48-8-B-a
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Giang	H. Hoằng Hóa			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-a
kênh Giang Quý	TV	xã Hoằng Giang	H. Hoằng Hóa			19° 53' 05"	105° 46' 11"	19° 53' 30"	105° 49' 10"	E-48-8-B-a
Sông Mã	TV	xã Hoằng Giang	H. Hoằng Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Hoằng Hà	H. Hoằng Hóa	19° 53' 06"	105° 52' 53"					E-48-8-B-b
thôn 2	DC	xã Hoằng Hà	H. Hoằng Hóa	19° 53' 01"	105° 53' 09"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn 3	DC	xã Hoằng Hà	H. Hoằng Hóa	19° 53' 07"	105° 53' 04"					E-48-8-B-b
thôn 4	DC	xã Hoằng Hà	H. Hoằng Hóa	19° 52' 43"	105° 53' 29"					E-48-8-B-b
thôn 5	DC	xã Hoằng Hà	H. Hoằng Hóa	19° 51' 42"	105° 53' 21"					E-48-8-B-d
Sông Đằng	TV	xã Hoằng Hà	H. Hoằng Hóa			19° 51' 50"	105° 52' 05"	19° 51' 15"	105° 53' 31"	E-48-8-B-d
Sông Cung	TV	xã Hoằng Hà	H. Hoằng Hóa			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-(b,d)
sông Lạch Trường	TV	xã Hoằng Hà	H. Hoằng Hóa			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-b
thôn 1	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hóa	19° 52' 05"	105° 55' 10"					E-48-8-B-d
thôn 2	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hóa	19° 51' 54"	105° 55' 30"					E-48-8-B-d
thôn 3	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hóa	19° 51' 55"	105° 55' 37"					E-48-8-B-d
thôn 4	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hóa	19° 51' 59"	105° 55' 49"					E-48-8-B-d
thôn 5	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hóa	19° 51' 41"	105° 55' 24"					E-48-8-B-d
thôn 6	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hóa	19° 51' 38"	105° 55' 50"					E-48-8-B-d
thôn 7	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hóa	19° 51' 22"	105° 55' 22"					E-48-8-B-d
thôn 8	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hóa	19° 51' 23"	105° 55' 35"					E-48-8-B-d
thôn 9	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hóa	19° 51' 22"	105° 56' 04"					E-48-8-B-d
thôn 10	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hóa	19° 51' 07"	105° 56' 05"					E-48-8-B-d
thôn 11	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hóa	19° 51' 36"	105° 55' 40"					E-48-8-B-d
làng Đông Hòa	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hóa	19° 51' 22"	105° 55' 22"					E-48-8-B-d
núi Linh Trường	SV	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hóa	19° 52' 43"	105° 56' 02"					E-48-8-B-b
thôn An Hòa	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hóa	19° 53' 07"	105° 47' 16"					E-48-8-B-a
thôn Đức Giáo 10	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hóa	19° 52' 04"	105° 47' 22"					E-48-8-B-c
thôn Đức Giáo 11	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hóa	19° 52' 00"	105° 47' 29"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
kênh Giang Quý	TV	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hóa			19° 53' 05"	105° 46' 11"	19° 53' 30"	105° 49' 10"	E-48-8-B-a
thôn Hợp Tiến	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hóa	19° 52' 10"	105° 47' 08"					E-48-8-B-c
thôn Lộc Ất	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hóa	19° 52' 39"	105° 47' 10"					E-48-8-B-a
thôn Lộc Bính	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hóa	19° 52' 36"	105° 47' 02"					E-48-8-B-a
thôn Lộc Thọ	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hóa	19° 52' 41"	105° 46' 46"					E-48-8-B-a
Sông Mã	TV	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a,c
thôn Minh Quang	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hóa	19° 52' 42"	105° 47' 02"					E-48-8-B-a
kênh N7	TV	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hóa			19° 53' 01"	105° 47' 09"	19° 53' 19"	105° 48' 54"	E-48-8-B-a
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hóa			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-a
thôn Nhân Vực	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hóa	19° 53' 21"	105° 47' 06"					E-48-8-B-a
thôn Phú Quý	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hóa	19° 52' 49"	105° 46' 31"					E-48-8-B-a
thôn Quỳ Thanh	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hóa	19° 52' 41"	105° 47' 24"					E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa	19° 57' 16"	105° 45' 56"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa	19° 56' 52"	105° 46' 07"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa	19° 56' 17"	105° 46' 15"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa	19° 56' 05"	105° 45' 58"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa	19° 55' 50"	105° 45' 52"					E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa	19° 55' 41"	105° 45' 50"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa	19° 55' 11"	105° 45' 49"					E-48-8-B-a
thôn 8	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa	19° 55' 02"	105° 45' 54"					E-48-8-B-a
thôn 9	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa	19° 54' 58"	105° 45' 55"					E-48-8-B-a
thôn 10	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa	19° 55' 25"	105° 46' 36"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 11	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa	19° 55' 13"	105° 46' 23"					E-48-8-B-a
thôn 12	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa	19° 55' 47"	105° 46' 22"					E-48-8-B-a
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-a
Đò Vàng	KX	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa	19° 56' 02"	105° 45' 47"					E-48-8-B-a
Sông Ấu	TV	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa			19° 54' 46"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a
Núi Bái	SV	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa	19° 57' 13"	105° 46' 24"					E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a
Sông Mã	TV	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a
kênh N1	TV	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa			19° 55' 22"	105° 46' 05"	19° 56' 43"	105° 49' 02"	E-48-8-B-a
núi Sơn Trang	SV	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hóa	19° 55' 48"	105° 47' 22"					E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hóa	19° 53' 42"	105° 49' 38"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hóa	19° 53' 18"	105° 49' 50"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hóa	19° 53' 14"	105° 49' 55"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hóa	19° 53' 08"	105° 49' 59"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hóa	19° 53' 05"	105° 49' 59"					E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hóa	19° 52' 58"	105° 49' 42"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hóa	19° 53' 11"	105° 50' 28"					E-48-8-B-a
quốc lộ 10	KX	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hóa			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-a
kênh N13	TV	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hóa			19° 53' 02"	105° 51' 25"	19° 52' 09"	105° 48' 25"	E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hóa			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hóa			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a
thôn 1 Kim Sơn	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hóa	19° 54' 40"	105° 47' 34"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn 2 Kim Sơn	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hóa	19° 54' 38"	105° 47' 38"					E-48-8-B-a
thôn 2 Nghĩa Trang	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hóa	19° 54' 37"	105° 47' 42"					E-48-8-B-a
thôn 3 Kim Sơn	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hóa	19° 54' 47"	105° 48' 41"					E-48-8-B-a
thôn 3 Nghĩa Trang	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hóa	19° 54' 46"	105° 48' 39"					E-48-8-B-a
thôn 4 Nghĩa Trang	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hóa	19° 54' 45"	105° 48' 32"					E-48-8-B-a
thôn 5 Nghĩa Trang	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hóa	19° 54' 43"	105° 48' 29"					E-48-8-B-a
thôn 6 Nghĩa Trang	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hóa	19° 54' 41"	105° 48' 25"					E-48-8-B-a
thôn 7 Nghĩa Trang	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hóa	19° 54' 41"	105° 48' 21"					E-48-8-B-a
Sông Âu	TV	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hóa			19° 54' 46"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a
thôn Hiệp Thành	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hóa	19° 54' 46"	105° 48' 22"					E-48-8-B-a
thôn My Du	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hóa	19° 54' 41"	105° 48' 00"					E-48-8-B-a
thôn Nghĩa Phú	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hóa	19° 54' 49"	105° 48' 52"					E-48-8-B-a
thôn Bắc Nam	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hóa	19° 48' 54"	105° 50' 19"					E-48-8-B-c
thôn Bái Đông	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hóa	19° 48' 43"	105° 50' 30"					E-48-8-B-c
Thôn Chùa	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hóa	19° 49' 00"	105° 50' 14"					E-48-8-B-c
Thôn Đà	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hóa	19° 49' 06"	105° 50' 15"					E-48-8-B-c
thôn Đình Bảng	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hóa	19° 48' 58"	105° 50' 27"					E-48-8-B-c
thôn Đình Nam	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hóa	19° 48' 50"	105° 50' 24"					E-48-8-B-c
thôn Đồng Mẫu	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hóa	19° 49' 00"	105° 50' 06"					E-48-8-B-c
thôn Đông Phú	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hóa	19° 49' 07"	105° 50' 22"					E-48-8-B-c
thôn Hưng Thịnh	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hóa	19° 48' 55"	105° 50' 16"					E-48-8-B-c
thôn Hưng Tiến	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hóa	19° 48' 44"	105° 50' 17"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Thôn Lay	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hóa	19° 49' 00"	105° 50' 06"					E-48-8-B-c
Thôn Sau	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hóa	19° 49' 08"	105° 50' 07"					E-48-8-B-c
thôn 4 Đại An	DC	xã Hoằng Lương	H. Hoằng Hóa	19° 54' 49"	105° 50' 54"					E-48-8-B-a
thôn 5 Đại An	DC	xã Hoằng Lương	H. Hoằng Hóa	19° 54' 43"	105° 51' 01"					E-48-8-B-a
thôn 6 Đại An	DC	xã Hoằng Lương	H. Hoằng Hóa	19° 54' 31"	105° 51' 05"					E-48-8-B-a
thôn 7 Đại An	DC	xã Hoằng Lương	H. Hoằng Hóa	19° 54' 26"	105° 51' 08"					E-48-8-B-a
Sông Âu	TV	xã Hoằng Lương	H. Hoằng Hóa			19° 54' 46"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a
thôn Đại An	DC	xã Hoằng Lương	H. Hoằng Hóa	19° 54' 40"	105° 51' 03"					E-48-8-B-a
thôn Lương Quán	DC	xã Hoằng Lương	H. Hoằng Hóa	19° 55' 06"	105° 50' 28"					E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Hoằng Lương	H. Hoằng Hóa			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a
thôn Tuần Lương	DC	xã Hoằng Lương	H. Hoằng Hóa	19° 55' 28"	105° 50' 28"					E-48-8-B-a
Sông Cung	TV	xã Hoằng Lưu	H. Hoằng Hóa			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d
thôn Đồng Điều	DC	xã Hoằng Lưu	H. Hoằng Hóa	19° 50' 22"	105° 52' 51"					E-48-8-B-d
thôn Nghĩa Lập	DC	xã Hoằng Lưu	H. Hoằng Hóa	19° 48' 44"	105° 52' 42"					E-48-8-B-d
thôn Nghĩa Phú	DC	xã Hoằng Lưu	H. Hoằng Hóa	19° 48' 50"	105° 52' 31"					E-48-8-B-d
thôn Phục Lễ	DC	xã Hoằng Lưu	H. Hoằng Hóa	19° 48' 28"	105° 52' 42"					E-48-8-B-d
thôn Phượng Khê	DC	xã Hoằng Lưu	H. Hoằng Hóa	19° 49' 50"	105° 53' 05"					E-48-8-B-d
thôn Phượng Ngô 1	DC	xã Hoằng Lưu	H. Hoằng Hóa	19° 49' 33"	105° 52' 44"					E-48-8-B-d
thôn Phượng Ngô 2	DC	xã Hoằng Lưu	H. Hoằng Hóa	19° 49' 23"	105° 52' 48"					E-48-8-B-d
thôn 1	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hóa	19° 52' 07"	105° 50' 03"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hóa	19° 52' 03"	105° 49' 52"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hóa	19° 51' 54"	105° 49' 43"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn 4	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hóa	19° 51' 35"	105° 49' 07"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hóa	19° 51' 29"	105° 49' 07"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hóa	19° 51' 28"	105° 49' 13"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hóa	19° 51' 00"	105° 49' 31"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hóa	19° 50' 55"	105° 49' 27"					E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hóa	19° 50' 51"	105° 49' 25"					E-48-8-B-c
thôn 10	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hóa	19° 50' 47"	105° 49' 24"					E-48-8-B-c
quốc lộ 10	KX	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hóa			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-c
Sông Gòng	TV	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hóa			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"	E-48-8-B-c
sông Lạch Trường	TV	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hóa			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-c
kênh N16	TV	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hóa			19° 51' 38"	105° 49' 08"	19° 51' 01"	105° 48' 14"	E-48-8-B-c
kênh N18	TV	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hóa			19° 51' 06"	105° 49' 41"	19° 49' 23"	105° 49' 08"	E-48-8-B-c
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hóa			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hóa	19° 49' 59"	105° 54' 18"					E-48-8-B-d
thôn 2	DC	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hóa	19° 50' 05"	105° 54' 17"					E-48-8-B-d
thôn 3	DC	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hóa	19° 50' 18"	105° 54' 20"					E-48-8-B-d
thôn 4	DC	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hóa	19° 50' 36"	105° 54' 03"					E-48-8-B-d
thôn 5	DC	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hóa	19° 50' 44"	105° 54' 15"					E-48-8-B-d
thôn 6	DC	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hóa	19° 50' 44"	105° 54' 27"					E-48-8-B-d
thôn 7	DC	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hóa	19° 51' 28"	105° 54' 10"					E-48-8-B-d
thôn 8	DC	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hóa	19° 51' 42"	105° 53' 44"					E-48-8-B-d
thôn 9	DC	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hóa	19° 50' 42"	105° 53' 26"					E-48-8-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Sông Cung	TV	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hóa			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hóa			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-d
thôn Bắc Hải	DC	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hóa	19° 48' 26"	105° 53' 06"					E-48-8-B-d
Sông Cung	TV	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hóa			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d
thôn Đình Long	DC	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hóa	19° 47' 32"	105° 52' 36"					E-48-8-B-d
thôn Đình Sen	DC	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hóa	19° 48' 09"	105° 52' 15"					E-48-8-B-c
thôn Đông Ngọc	DC	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hóa	19° 47' 33"	105° 52' 41"					E-48-8-B-d
thôn Hải Long	DC	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hóa	19° 47' 51"	105° 52' 57"					E-48-8-B-d
thôn Liên Sơn	DC	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hóa	19° 48' 01"	105° 52' 57"					E-48-8-B-d
Sông Mã	TV	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-d
thôn Nam Hạc	DC	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hóa	19° 48' 06"	105° 52' 25"					E-48-8-B-c
thôn Phong Mỹ	DC	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hóa	19° 48' 01"	105° 52' 38"					E-48-8-B-d
thôn Trung Triều	DC	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hóa	19° 48' 09"	105° 52' 58"					E-48-8-B-d
quốc lộ 1A	KX	xã Hoằng Phú	H. Hoằng Hóa			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a
kênh N7	TV	xã Hoằng Phú	H. Hoằng Hóa			19° 53' 01"	105° 47' 09"	19° 53' 19"	105° 48' 54"	E-48-8-B-a
kênh Giang Quý	TV	xã Hoằng Phú	H. Hoằng Hóa			19° 53' 05"	105° 46' 11"	19° 53' 30"	105° 49' 10"	E-48-8-B-a
thôn Phú Thượng 1	DC	xã Hoằng Phú	H. Hoằng Hóa	19° 54' 02"	105° 47' 49"					E-48-8-B-a
thôn Phú Thượng 2	DC	xã Hoằng Phú	H. Hoằng Hóa	19° 54' 02"	105° 47' 53"					E-48-8-B-a
thôn Phú Trung	DC	xã Hoằng Phú	H. Hoằng Hóa	19° 53' 52"	105° 48' 03"					E-48-8-B-a
thôn Trịnh Thôn	DC	xã Hoằng Phú	H. Hoằng Hóa	19° 53' 41"	105° 47' 44"					E-48-8-B-a
thôn Trung Tây	DC	xã Hoằng Phú	H. Hoằng Hóa	19° 53' 57"	105° 47' 58"					E-48-8-B-a
thôn Bắc Sơn	DC	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hóa	19° 48' 43"	105° 54' 38"					E-48-8-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Cung	TV	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hóa			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d
Cửa Hới	TV	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hóa	19° 47' 08"	105° 55' 37"					E-48-8-B-d
thôn Hồng Kỳ	DC	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hóa	19° 48' 53"	105° 54' 43"					E-48-8-B-d
thôn Hợp Tân	DC	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hóa	19° 48' 31"	105° 54' 53"					E-48-8-B-d
Sông Mã	TV	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-d
thôn Sao Vàng	DC	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hóa	19° 49' 05"	105° 54' 52"					E-48-8-B-d
thôn Tân Xuân	DC	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hóa	19° 47' 42"	105° 55' 38"					E-48-8-B-d
thôn Tháng Mười	DC	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hóa	19° 49' 26"	105° 55' 07"					E-48-8-B-d
thôn Xuân Phụ	DC	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hóa	19° 48' 13"	105° 55' 40"					E-48-8-B-d
thôn Bút Cương	DC	xã Hoằng Phúc	H. Hoằng Hóa	19° 52' 04"	105° 51' 21"					E-48-8-B-c
Sông Đằng	TV	xã Hoằng Phúc	H. Hoằng Hóa			19° 51' 50"	105° 52' 05"	19° 51' 15"	105° 53' 31"	E-48-8-B-(c,d)
Sông Gòng	TV	xã Hoằng Phúc	H. Hoằng Hóa			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"	E-48-8-B-c
thôn Hoằng Lọc	DC	xã Hoằng Phúc	H. Hoằng Hóa	19° 51' 49"	105° 51' 23"					E-48-8-B-c
sông Lạch Trường	TV	xã Hoằng Phúc	H. Hoằng Hóa			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-(a,c)
thôn Tế Độ	DC	xã Hoằng Phúc	H. Hoằng Hóa	19° 52' 22"	105° 51' 52"					E-48-8-B-c
thôn Thọ Văn	DC	xã Hoằng Phúc	H. Hoằng Hóa	19° 52' 08"	105° 51' 34"					E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hóa			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-a
hồ Vĩnh Gia	TV	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hóa	19° 54' 30"	105° 46' 05"					E-48-8-B-a
thôn Phượng Mao	DC	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hóa	19° 54' 07"	105° 46' 56"					E-48-8-B-a
thôn Vĩnh Gia 1	DC	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hóa	19° 54' 23"	105° 46' 11"					E-48-8-B-a
thôn Vĩnh Gia 2	DC	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hóa	19° 54' 15"	105° 46' 10"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Vĩnh Gia 3	DC	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hóa	19° 54' 07"	105° 46' 19"					E-48-8-B-a
thôn Vĩnh Gia 4	DC	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hóa	19° 53' 52"	105° 46' 12"					E-48-8-B-a
thôn Vĩnh Gia 5	DC	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hóa	19° 54' 01"	105° 46' 07"					E-48-8-B-a
thôn Vĩnh Gia 6	DC	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hóa	19° 53' 59"	105° 46' 16"					E-48-8-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hoằng Quý	H. Hoằng Hóa			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Hoằng Quý	H. Hoằng Hóa	19° 54' 01"	105° 48' 08"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hoằng Quý	H. Hoằng Hóa	19° 53' 58"	105° 48' 10"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hoằng Quý	H. Hoằng Hóa	19° 53' 55"	105° 48' 08"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hoằng Quý	H. Hoằng Hóa	19° 54' 04"	105° 48' 13"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hoằng Quý	H. Hoằng Hóa	19° 53' 59"	105° 48' 18"					E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Hoằng Quý	H. Hoằng Hóa	19° 54' 04"	105° 48' 19"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Hoằng Quý	H. Hoằng Hóa	19° 53' 59"	105° 48' 24"					E-48-8-B-a
thôn 8	DC	xã Hoằng Quý	H. Hoằng Hóa	19° 53' 42"	105° 49' 06"					E-48-8-B-a
thôn 9	DC	xã Hoằng Quý	H. Hoằng Hóa	19° 53' 52"	105° 48' 04"					E-48-8-B-a
thôn 10	DC	xã Hoằng Quý	H. Hoằng Hóa	19° 54' 06"	105° 48' 07"					E-48-8-B-a
cầu Phú Khê	KX	xã Hoằng Quý	H. Hoằng Hóa	19° 53' 46"	105° 48' 29"					E-48-8-B-a
kênh Giang Quý	TV	xã Hoằng Quý	H. Hoằng Hóa			19° 53' 05"	105° 46' 11"	19° 53' 30"	105° 49' 10"	E-48-8-B-a
kênh Hợp Khê	TV	xã Hoằng Quý	H. Hoằng Hóa			19° 52' 35"	105° 47' 38"	19° 53' 39"	105° 49' 42"	E-48-8-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hóa			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-(a,c)
cầu Ba Gian	KX	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hóa	19° 52' 43"	105° 48' 14"					E-48-8-B-a
kênh N7	TV	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hóa			19° 53' 01"	105° 47' 09"	19° 53' 19"	105° 48' 54"	E-48-8-B-a
kênh N13	TV	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hóa			19° 53' 02"	105° 51' 25"	19° 52' 09"	105° 48' 25"	E-48-8-B-(a,c)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Đông Khê	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hóa	19° 53' 09"	105° 48' 34"					E-48-8-B-a
thôn Đông Nam	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hóa	19° 52' 52"	105° 48' 03"					E-48-8-B-a
kênh Hợp Khê	TV	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hóa			19° 52' 35"	105° 47' 38"	19° 53' 39"	105° 49' 42"	E-48-8-B-a
thôn Ích Hạ	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hóa	19° 52' 03"	105° 47' 50"					E-48-8-B-c
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hóa			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-(a,c)
thôn Phúc Tiến	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hóa	19° 52' 07"	105° 48' 16"					E-48-8-B-c
thôn Tây Phúc	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hóa	19° 52' 59"	105° 47' 56"					E-48-8-B-a
thôn Trọng Hậu	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hóa	19° 52' 01"	105° 48' 20"					E-48-8-B-c
thôn Trung Tiến	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hóa	19° 52' 52"	105° 47' 54"					E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Hoằng Sơn	H. Hoằng Hóa			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a
thôn Bản Định	DC	xã Hoằng Sơn	H. Hoằng Hóa	19° 54' 13"	105° 51' 07"					E-48-8-B-a
thôn Cẩm Lũ	DC	xã Hoằng Sơn	H. Hoằng Hóa	19° 53' 53"	105° 50' 07"					E-48-8-B-a
thôn Cổ Bản	DC	xã Hoằng Sơn	H. Hoằng Hóa	19° 53' 48"	105° 50' 19"					E-48-8-B-a
thôn Long Thành	DC	xã Hoằng Sơn	H. Hoằng Hóa	19° 54' 01"	105° 50' 56"					E-48-8-B-a
thôn Xuân Sơn	DC	xã Hoằng Sơn	H. Hoằng Hóa	19° 54' 27"	105° 50' 20"					E-48-8-B-a
Sông Mã	TV	xã Hoằng Tân	H. Hoằng Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
thôn Bột Trung	DC	xã Hoằng Tân	H. Hoằng Hóa	19° 47' 14"	105° 51' 48"					E-48-8-B-c
thôn Cẩm Trung 1	DC	xã Hoằng Tân	H. Hoằng Hóa	19° 47' 01"	105° 51' 39"					E-48-8-B-c
thôn Cẩm Trung 2	DC	xã Hoằng Tân	H. Hoằng Hóa	19° 47' 08"	105° 51' 47"					E-48-8-B-c
thôn Cẩm Vinh 1	DC	xã Hoằng Tân	H. Hoằng Hóa	19° 47' 04"	105° 51' 24"					E-48-8-B-c
thôn Cẩm Vinh 2	DC	xã Hoằng Tân	H. Hoằng Hóa	19° 46' 57"	105° 51' 22"					E-48-8-B-c
thôn Đồng Lọng 1	DC	xã Hoằng Tân	H. Hoằng Hóa	19° 47' 08"	105° 51' 03"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Đồng Lọng 2	DC	xã Hoằng Tân	H. Hoằng Hóa	19° 46' 53"	105° 51' 01"					E-48-8-B-c
thôn Trung Hòa	DC	xã Hoằng Tân	H. Hoằng Hóa	19° 46' 37"	105° 51' 58"					E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hóa	19° 50' 03"	105° 51' 06"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hóa	19° 49' 54"	105° 51' 09"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hóa	19° 49' 59"	105° 50' 58"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hóa	19° 49' 50"	105° 50' 57"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hóa	19° 49' 44"	105° 50' 55"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hóa	19° 49' 35"	105° 50' 56"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hóa	19° 49' 34"	105° 51' 03"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hóa	19° 49' 33"	105° 51' 10"					E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hóa	19° 49' 36"	105° 51' 16"					E-48-8-B-c
thôn 10	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hóa	19° 49' 45"	105° 51' 14"					E-48-8-B-c
Sông Cung	TV	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hóa			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d
thôn Gia Hòa 5	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hóa	19° 49' 59"	105° 52' 07"					E-48-8-B-c
thôn Hải Phúc 6	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hóa	19° 49' 50"	105° 52' 22"					E-48-8-B-c
thôn Hải Phúc 7	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hóa	19° 49' 46"	105° 52' 36"					E-48-8-B-d
thôn Hải Phúc 8	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hóa	19° 49' 39"	105° 52' 25"					E-48-8-B-c
thôn Hoàng Trì 10	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hóa	19° 49' 30"	105° 52' 21"					E-48-8-B-c
thôn Hoàng Trì 11	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hóa	19° 49' 24"	105° 52' 32"					E-48-8-B-d
thôn Hoàng Trì 12	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hóa	19° 49' 17"	105° 52' 29"					E-48-8-B-d
thôn Hoàng Trì 13	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hóa	19° 49' 21"	105° 52' 16"					E-48-8-B-c
thôn Hoàng Trì 9	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hóa	19° 49' 31"	105° 52' 34"					E-48-8-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Hồng Nhuệ 1	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hóa	19° 50' 44"	105° 52' 06"					E-48-8-B-c
thôn Hồng Nhuệ 2	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hóa	19° 50' 33"	105° 52' 02"					E-48-8-B-c
thôn Hồng Nhuệ 3	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hóa	19° 50' 16"	105° 51' 57"					E-48-8-B-c
thôn Hồng Nhuệ 4	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hóa	19° 50' 10"	105° 51' 59"					E-48-8-B-c
thôn Đại Long	DC	xã Hoằng Thanh	H. Hoằng Hóa	19° 50' 27"	105° 55' 23"					E-48-8-B-d
thôn Đông Tây Hải	DC	xã Hoằng Thanh	H. Hoằng Hóa	19° 49' 44"	105° 55' 26"					E-48-8-B-d
thôn Đông Xuân Vi	DC	xã Hoằng Thanh	H. Hoằng Hóa	19° 49' 29"	105° 55' 41"					E-48-8-B-d
thôn Liên Hà	DC	xã Hoằng Thanh	H. Hoằng Hóa	19° 50' 07"	105° 55' 20"					E-48-8-B-d
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Thanh	H. Hoằng Hóa			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-d
thôn Quang Trung	DC	xã Hoằng Thanh	H. Hoằng Hóa	19° 50' 21"	105° 55' 47"					E-48-8-B-d
thôn Tây Xuân Vi	DC	xã Hoằng Thanh	H. Hoằng Hóa	19° 49' 33"	105° 55' 31"					E-48-8-B-d
thôn Trung Hải	DC	xã Hoằng Thanh	H. Hoằng Hóa	19° 50' 01"	105° 55' 39"					E-48-8-B-d
thôn 1	DC	xã Hoằng Thành	H. Hoằng Hóa	19° 48' 49"	105° 50' 35"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Thành	H. Hoằng Hóa	19° 48' 30"	105° 50' 46"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoằng Thành	H. Hoằng Hóa	19° 48' 30"	105° 50' 32"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoằng Thành	H. Hoằng Hóa	19° 48' 22"	105° 50' 47"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Thành	H. Hoằng Hóa	19° 48' 27"	105° 51' 00"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Thành	H. Hoằng Hóa	19° 48' 49"	105° 51' 44"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Thành	H. Hoằng Hóa	19° 48' 29"	105° 51' 50"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoằng Thành	H. Hoằng Hóa	19° 48' 33"	105° 52' 08"					E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hóa	19° 50' 03"	105° 50' 38"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hóa	19° 50' 00"	105° 50' 30"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn 3	DC	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hóa	19° 49' 53"	105° 50' 37"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hóa	19° 49' 40"	105° 50' 36"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hóa	19° 49' 33"	105° 50' 34"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hóa	19° 49' 18"	105° 50' 34"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hóa	19° 49' 23"	105° 50' 24"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hóa	19° 49' 31"	105° 50' 13"					E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hóa	19° 49' 41"	105° 50' 20"					E-48-8-B-c
kênh N18	TV	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hóa			19° 51' 06"	105° 49' 41"	19° 49' 23"	105° 49' 08"	E-48-8-B-c
thôn Đông Thành 1	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hóa	19° 50' 57"	105° 55' 59"					E-48-8-B-d
thôn Đông Thành 2	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hóa	19° 50' 59"	105° 55' 25"					E-48-8-B-d
thôn Kim Sơn 1	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hóa	19° 51' 13"	105° 54' 56"					E-48-8-B-d
thôn Kim Sơn 2	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hóa	19° 51' 03"	105° 55' 03"					E-48-8-B-d
thôn Kim Tân 1	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hóa	19° 51' 27"	105° 54' 35"					E-48-8-B-d
thôn Kim Tân 2	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hóa	19° 51' 03"	105° 54' 30"					E-48-8-B-d
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hóa			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-d
thôn Phong Lan 1	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hóa	19° 50' 48"	105° 54' 46"					E-48-8-B-d
thôn Phong Lan 2	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hóa	19° 50' 38"	105° 54' 45"					E-48-8-B-d
thôn Tiền Thôn 1	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hóa	19° 50' 43"	105° 55' 44"					E-48-8-B-d
thôn Tiền Thôn 2	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hóa	19° 50' 51"	105° 55' 24"					E-48-8-B-d
thôn 1	DC	xã Hoằng Trạch	H. Hoằng Hóa	19° 48' 17"	105° 50' 40"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Trạch	H. Hoằng Hóa	19° 48' 09"	105° 50' 42"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoằng Trạch	H. Hoằng Hóa	19° 47' 57"	105° 50' 42"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn 4	DC	xã Hoằng Trạch	H. Hoằng Hóa	19° 47' 24"	105° 50' 51"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Trạch	H. Hoằng Hóa	19° 48' 06"	105° 50' 48"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Trạch	H. Hoằng Hóa	19° 48' 08"	105° 50' 54"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Trạch	H. Hoằng Hóa	19° 48' 16"	105° 51' 04"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoằng Trạch	H. Hoằng Hóa	19° 48' 09"	105° 51' 27"					E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	xã Hoằng Trạch	H. Hoằng Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hóa			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a
Sông Ấu	TV	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hóa			19° 54' 46"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a
Núi Đẻn	SV	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hóa	19° 54' 50"	105° 49' 11"					E-48-8-B-a
Núi Gai	SV	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hóa	19° 55' 44"	105° 49' 05"					E-48-8-B-a
thôn Thanh Nga 1	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hóa	19° 55' 08"	105° 49' 54"					E-48-8-B-a
thôn Thanh Nga 2	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hóa	19° 55' 12"	105° 49' 58"					E-48-8-B-a
thôn Thanh Nga 3	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hóa	19° 55' 17"	105° 50' 03"					E-48-8-B-a
thôn Thanh Nga 4	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hóa	19° 55' 20"	105° 50' 06"					E-48-8-B-a
thôn Trinh Nga 1	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hóa	19° 54' 56"	105° 49' 19"					E-48-8-B-a
thôn Trinh Nga 2	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hóa	19° 54' 50"	105° 49' 20"					E-48-8-B-a
thôn Trinh Nga 3	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hóa	19° 54' 53"	105° 49' 26"					E-48-8-B-a
thôn Trinh Nga 4	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hóa	19° 54' 53"	105° 49' 32"					E-48-8-B-a
thôn Trung Hòa 1	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hóa	19° 55' 17"	105° 49' 13"					E-48-8-B-a
thôn Trung Hòa 2	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hóa	19° 55' 11"	105° 49' 18"					E-48-8-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hóa			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a
ga Nghĩa Trang	KX	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hóa	19° 55' 02"	105° 48' 43"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Sông Âu	TV	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hóa			19° 54' 46"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a
thôn Dương Thanh	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hóa	19° 55' 36"	105° 48' 15"					E-48-8-B-a
kênh N1	TV	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hóa			19° 55' 22"	105° 46' 05"	19° 56' 43"	105° 49' 02"	E-48-8-B-a
núi Sơn Trang	SV	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hóa	19° 55' 48"	105° 47' 22"					E-48-8-B-a
thôn Thị Tứ Nghĩa Trang	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hóa	19° 54' 57"	105° 48' 38"					E-48-8-B-a
thôn Trinh Hà 1	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hóa	19° 54' 57"	105° 48' 46"					E-48-8-B-a
thôn Trinh Hà 2	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hóa	19° 55' 01"	105° 48' 59"					E-48-8-B-a
thôn Trung Hậu	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hóa	19° 55' 00"	105° 48' 21"					E-48-8-B-a
thôn Tự Nhiên	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hóa	19° 55' 10"	105° 48' 30"					E-48-8-B-a
thôn Xa Vệ 1	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hóa	19° 54' 56"	105° 47' 59"					E-48-8-B-a
thôn Xa Vệ 2	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hóa	19° 54' 56"	105° 48' 03"					E-48-8-B-a
thôn Xa Vệ 3	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hóa	19° 54' 56	105° 48' 10"					E-48-8-B-a
thôn Xa Vệ 4	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hóa	19° 55' 22"	105° 47' 47"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hóa	19° 52' 01"	105° 56' 25"					E-48-8-B-d
thôn 3	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hóa	19° 51' 52"	105° 56' 29"					E-48-8-B-d
thôn 5	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hóa	19° 51' 45"	105° 56' 16"					E-48-8-B-d
thôn 6	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hóa	19° 51' 36"	105° 56' 11"					E-48-8-B-d
cửa Lạch Trường	TV	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hóa	19° 53' 19"	105° 56' 43"					E-48-8-B-b
làng Cát Tường	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hóa	19° 51' 37"	105° 56' 21"					E-48-8-B-d
thôn Giang Sơn	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hóa	19° 53' 19"	105° 57' 23"					E-48-8-B-b
thôn Hải Sơn	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hóa	19° 52' 56"	105° 57' 07"					E-48-8-B-b
làng Hải Thanh	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hóa	19° 51' 57"	105° 56' 33"					E-48-8-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Liên Minh	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hóa	19° 53' 07"	105° 57' 15"					E-48-8-B-b
núi Linh Trường	SV	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hóa	19° 52' 43"	105° 56' 02"					E-48-8-B-b
thôn Linh Trường	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hóa	19° 53' 11"	105° 57' 17"					E-48-8-B-b
làng Ngọc Lĩnh	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hóa	19° 52' 06"	105° 56' 02"					E-48-8-B-d
làng Phúc Ngư	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hóa	19° 52' 24"	105° 56' 46"					E-48-8-B-d
thôn Thành Xuân	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hóa	19° 52' 45"	105° 56' 59"					E-48-8-B-b
thôn 1	DC	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hóa	19° 51' 25"	105° 50' 36"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hóa	19° 51' 10"	105° 50' 53"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hóa	19° 51' 01"	105° 50' 53"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hóa	19° 50' 42"	105° 50' 44"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hóa	19° 50' 48"	105° 50' 35"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hóa	19° 51' 00"	105° 50' 31"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hóa	19° 50' 48"	105° 50' 22"					E-48-8-B-c
Sông Gòng	TV	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hóa			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"	E-48-8-B-c
cầu Gòng 2	KX	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hóa	19° 51' 19"	105° 50' 56"					E-48-8-B-c
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hóa			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-c
Sông Âu	TV	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hóa			19° 54' 46"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a
Sông Mã	TV	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a
thôn Mỹ Cầu	DC	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hóa	19° 54' 50"	105° 45' 59"					E-48-8-B-a
kênh N1	TV	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hóa			19° 55' 22"	105° 46' 05"	19° 56' 43"	105° 49' 02"	E-48-8-B-a
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hóa			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-a
thôn Nga Phú 1	DC	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hóa	19° 54' 33"	105° 46' 15"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Nga Phú 2	DC	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hóa	19° 54' 40"	105° 46' 17"					E-48-8-B-a
thôn Nghĩa Hương	DC	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hóa	19° 54' 40"	105° 46' 8"					E-48-8-B-a
núi Sơn Trang	SV	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hóa	19° 55' 48"	105° 47' 22"					E-48-8-B-a
hồ Vĩnh Gia	TV	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hóa	19° 54' 30"	105° 46' 05"					E-48-8-B-a
thôn Xuân Phú	DC	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hóa	19° 55' 00"	105° 46' 59"					E-48-8-B-a
quốc lộ 10	KX	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hóa			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-a
kênh N13	TV	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hóa			19° 53' 02"	105° 51' 25"	19° 52' 09"	105° 48' 25"	E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hóa			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a
thôn Bắc Long	DC	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hóa	19° 52' 48"	105° 51' 04"					E-48-8-B-a
thôn Đông Thôn	DC	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hóa	19° 53' 13"	105° 50' 44"					E-48-8-B-a
sông Lạch Trường	TV	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hóa			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-(a,c)
thôn Mỹ Tiến	DC	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hóa	19° 52' 36"	105° 51' 27"					E-48-8-B-a
thôn Nam Long	DC	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hóa	19° 52' 40"	105° 51' 04"					E-48-8-B-a
thôn Nga Bình	DC	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hóa	19° 52' 40"	105° 50' 57"					E-48-8-B-a
thôn Thanh Bình	DC	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hóa	19° 52' 42"	105° 50' 40"					E-48-8-B-a
thôn Trung Tuyết	DC	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hóa	19° 52' 53"	105° 51' 25"					E-48-8-B-a
thôn Yên Xuân	DC	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hóa	19° 52' 42"	105° 51' 9"					E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hóa	19° 52' 49"	105° 55' 44"					E-48-8-B-b
thôn 2	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hóa	19° 52' 49"	105° 54' 35"					E-48-8-B-b
thôn 3	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hóa	19° 52' 33"	105° 54' 20"					E-48-8-B-b
thôn 4	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hóa	19° 52' 10"	105° 54' 13"					E-48-8-B-d
thôn 5	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hóa	19° 51' 53"	105° 53' 50"					E-48-8-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn 6	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hóa	19° 52' 01"	105° 54' 21"					E-48-8-B-d
thôn 7	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hóa	19° 52' 17"	105° 54' 26"					E-48-8-B-d
thôn 8	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hóa	19° 52' 09"	105° 54' 55"					E-48-8-B-d
thôn 9	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hóa	19° 51' 54"	105° 55' 05"					E-48-8-B-d
thôn 10	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hóa	19° 51' 38"	105° 55' 02"					E-48-8-B-d
thôn 11	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hóa	19° 51' 33"	105° 55' 03"					E-48-8-B-d
thôn 12	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hóa	19° 51' 44"	105° 55' 11"					E-48-8-B-d
thôn 13	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hóa	19° 51' 35"	105° 55' 13"					E-48-8-B-d
cửa Lạch Trường	TV	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hóa	19° 53' 19"	105° 56' 43"					E-48-8-B-b
Sông Cung	TV	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hóa			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-b
núi Đá Tràm	SV	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hóa	19° 56' 42"	105° 54' 07"					E-48-8-B-d
núi Lạch Trường	SV	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hóa	19° 52' 43"	105° 56' 02"					E-48-8-B-b
sông Trường Giang	TV	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hóa			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-(b,d)
phố 3	DC	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 35"	105° 14' 33"					F-48-91-C
tổ 1 phố 1	DC	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 19"	105° 14' 27"					F-48-91-C
tổ 1 phố 2	DC	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 03"	105° 15' 18"					F-48-91-C
tổ 2 phố 1	DC	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 26"	105° 14' 22"					F-48-91-C
tổ 2 phố 2	DC	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 19"	105° 14' 50"					F-48-91-C
tổ 3 phố 1	DC	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 13"	105° 14' 13"					F-48-91-C
quốc lộ 15A	KX	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-C, F-48-91-D-a
Sông Âm	TV	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Đồi Bái	SV	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 10"	105° 15' 11"					F-48-91-D-a
ngã ba Đồng Lương	KX	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 27"	105° 15' 03"					F-48-91-D-a
Bản Lưỡi	DC	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 29"	105° 14' 38"					F-48-91-C
bản Trải 1	DC	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 00"	105° 14' 26"					F-48-91-C
bản Trải 2	DC	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 10"	105° 14' 08"					F-48-91-C
quốc lộ 15A	KX	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-C, F-48-91-D-a
núi Bò Lăn	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 11' 12"	105° 16' 08"					F-48-91-D-a
núi Bù Bằng	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 09' 10"	105° 17' 00"					F-48-91-D-a
Thôn Cắm	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 08' 19"	105° 16' 01"					F-48-91-D-a
thôn Chiềng Khạt	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 10' 36"	105° 15' 00"					F-48-91-D-a
Thôn Chỏng	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 08' 56"	105° 15' 40"					F-48-91-D-a
đập Chu Mon	KX	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 11' 39"	105° 14' 03"					F-48-91-C-b
Pu Chức	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 10' 23"	105° 13' 37"					F-48-91-C
Thôn Cốc	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 11' 29"	105° 14' 06"					F-48-91-C
Thôn Cui	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 09' 48"	105° 14' 46"					F-48-91-C
đồi Đá Lăn	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 08' 35"	105° 16' 34"					F-48-91-D-a
núi Đá Song	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 10' 15"	105° 16' 42"					F-48-91-D-a
Đồi Hồng	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 08' 28"	105° 15' 54"					F-48-91-D-a
núi Ken Chon	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 12' 35"	105° 14' 07"					F-48-91-C
Thôn Mốc	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 11' 19"	105° 13' 26"					F-48-91-C
núi Môm Voi	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 08' 02"	105° 16' 12"					F-48-91-D-a
Thôn Nê	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 08' 55"	105° 16' 05"					F-48-91-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Đồi Ngang	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 07' 46"	105° 16' 39"					F-48-91-D-a
Đồi Pan	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 08' 17"	105° 16' 48"					F-48-91-D-a
Pu Páo	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 11' 36"	105° 13' 34"					F-48-91-C
Pu Pẹo	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 11' 05"	105° 13' 48"					F-48-91-C
Đồi Pi	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 08' 13"	105° 15' 47"					F-48-91-D-a
Thôn Quắc	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 10' 47"	105° 14' 06"					F-48-91-C
Thôn Quên	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 11' 19"	105° 14' 13"					F-48-91-C
núi Sáp Ong	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 12' 58"	105° 13' 05"					F-48-91-C
đồi Tà Dù	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 09' 48"	105° 16' 26"					F-48-91-D-a
Thôn Thung	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 10' 39"	105° 16' 05"					F-48-91-D-a
Thôn Xuốm	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 09' 19"	105° 15' 29"					F-48-91-D-a
Làng Ang	DC	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 06' 51"	105° 15' 47"					F-48-91-D-c
Sông Âm	TV	xã Giao An	H. Lang Chánh			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	F-48-91-D-c
làng Bắc Nặm	DC	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 06' 05"	105° 15' 36"					F-48-91-D-c
Sông Cảy	TV	xã Giao An	H. Lang Chánh			20° 07' 44"	105° 12' 29"	20° 05' 50"	105° 15' 28"	F-48-91-C, F-48-91-D-c
làng Chiềng Nang	DC	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 05' 28"	105° 14' 28"					F-48-91-C
Đồi Chùa	SV	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 04' 53"	105° 16' 53"					F-48-91-D-c
Pu Đê	SV	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 04' 49"	105° 15' 18"					F-48-91-D-c
đồi Đồng Lình	SV	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 03' 46"	105° 11' 06"					F-48-91-C
Đồi Giang 1	SV	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 05' 13"	105° 16' 44"					F-48-91-D-c
Núi Ginh	SV	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 03' 51"	105° 11' 56"					F-48-91-C
đồi Hón Chan	SV	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 07' 11"	105° 14' 28"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Suối Lậm	TV	xã Giao An	H. Lang Chánh			20° 04' 12"	105° 14' 45"	20° 04' 31"	105° 15' 54"	F-48-91-C, F-48-91-D-c
Suối Nang	TV	xã Giao An	H. Lang Chánh			20° 05' 18"	105° 13' 08"	20° 05' 40"	105° 14' 56"	F-48-91-C
Làng Trô	DC	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 05' 05"	105° 16' 01"					F-48-91-D-c
Làng Viên	DC	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 04' 44"	105° 14' 28"					F-48-91-C
Sông Âm	TV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	F-48-91-D-c
thôn Bí Nghịu	DC	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 00' 53"	105° 15' 15"					F-48-91-D-c
núi Bù Khương	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 02' 30"	105° 15' 47"					F-48-91-D-c
núi Bù Song Long	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 01' 13"	105° 15' 25"					F-48-91-D-c
núi Bù Tôn	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 00' 45"	105° 12' 14"					F-48-91-C
thôn Chiềng Lẹn	DC	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 02' 29"	105° 14' 22"					F-48-91-C
đồi Đá Bí	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 00' 49"	105° 15' 32"					F-48-91-D-c
Pu Đê	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 04' 49"	105° 15' 18"					F-48-91-D-c
đồi Đồng Lình	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 03' 46"	105° 11' 06"					F-48-91-C
Núi Ginh	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 03' 51"	105° 11' 56"					F-48-91-C
Pu Ginh	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 03' 23"	105° 09' 50"					F-48-91-C
Pù Han	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 00' 54"	105° 09' 50"					F-48-91-D-c
Pù Hon	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 00' 40"	105° 10' 36"					F-48-91-D-c
Thôn Húng	DC	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 01' 57"	105° 11' 35"					F-48-91-C
thôn Khụ 1	DC	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 03' 29"	105° 15' 52"					F-48-91-D-c
thôn Khụ 2	DC	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 03' 31"	105° 16' 15"					F-48-91-D-c
thôn Khụ 3	DC	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 02' 28"	105° 16' 35"					F-48-91-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Suối Lậm	TV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh			20° 04' 12"	105° 14' 45"	20° 04' 31"	105° 15' 54"	F-48-91-C, F-48-91-D-c
thôn Lằn Sổ	DC	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 01' 58"	105° 13' 52"					F-48-91-C
núi Lén Buồng	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 01' 26"	105° 16' 59"					F-48-91-D-c
Thôn Poọng	DC	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 01' 58"	105° 14' 42"					F-48-91-C
suối Pù Nông	TV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh			20° 04' 14"	105° 16' 26"	20° 04' 30"	105° 16' 41"	F-48-91-D-c
Sông Sạo	TV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh			20° 03' 08"	105° 09' 48"	20° 01' 56"	105° 18' 00"	F-48-91-C, F-48-91-D-c
Thôn Tượt	DC	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 01' 21"	105° 14' 39"					F-48-91-C
đồi Vùng Vàng	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 04' 33"	105° 16' 31"					F-48-91-D-c
Bản Buốc	DC	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 14' 22"	105° 04' 08"					F-48-91-C
pu Cánh Tiên	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 17' 32"	105° 01' 30"					F-48-91-A-c
Bản Cháo	DC	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 16' 25"	105° 02' 10"					F-48-91-A-c
núi Cô Cân	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 13' 32"	105° 04' 55"					F-48-91-C
Suối Đang	TV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh			20° 13' 38"	105° 01' 06"	20° 13' 16"	105° 06' 53"	F-48-91-C
Bản Đôn	DC	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 15' 55"	105° 02' 49"					F-48-91-A-c
pu Éch Chạng	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 13' 50"	105° 06' 29"					F-48-91-C
núi Hang Khoai	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 16' 44"	105° 03' 09"					F-48-91-A-c
núi Hín Chay	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 17' 46"	105° 01' 44"					F-48-91-A-c
núi Keo Cong Pa Ruốc	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 12' 07"	105° 00' 54"					F-48-91-C
Pu Khúm	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 12' 47"	105° 05' 56"					F-48-91-C
Pu Măn	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 14' 27"	105° 00' 22"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
bản Nà Đang	DC	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 12' 47"	105° 01' 05"					F-48-91-C
Pu Nga	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 16' 21"	105° 04' 51"					F-48-91-A-c
Bản Ngày	DC	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 14' 57"	105° 03' 47"					F-48-91-C
sắn Nhá Nhung	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 14' 01"	105° 01' 23"					F-48-91-C
sắn Nóc Ngua	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 14' 23"	105° 01' 01"					F-48-91-C
dãy Ông Soạn	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 12' 35"	105° 03' 40"					F-48-91-C
núi Pha Vàng	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 12' 45"	105° 04' 41"					F-48-91-C
Pu Phang	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 16' 05"	105° 01' 19"					F-48-91-A-c
Bản Pi	DC	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 16' 39"	105° 01' 50"					F-48-91-A-c
Bản Poọng	DC	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 15' 22"	105° 03' 50"					F-48-91-A-c
núi Sắn Căng	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 13' 13"	105° 00' 11"					F-48-91-C
Bản Tiên	DC	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 16' 54"	105° 01' 37"					F-48-91-A-c
Bản Tiến	DC	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 14' 24"	105° 05' 06"					F-48-91-C
núi Tiên Trong	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 16' 08"	105° 05' 07"					F-48-91-A-c
Suối Xầy	TV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh			20° 16' 20"	105° 03' 14"	20° 18' 24"	105° 02' 46"	F-48-91-A-c
quốc lộ 15A	KX	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-D-a
Sông Âm	TV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	F-48-91-C, F-48-91-D-(a,c)
Thôn Ảng	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 08' 48"	105° 13' 41"					F-48-91-C
Đồi Bái	SV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 09' 10"	105° 15' 11"					F-48-91-D-a
đồi Bái Đùn	SV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 08' 08"	105° 15' 32"					F-48-91-D-a
Thôn Bàn	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 09' 40"	105° 13' 52"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Thôn Bang	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 07' 52"	105° 14' 46"					F-48-91-C
Đồi Bò	SV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 07' 50"	105° 14' 10"					F-48-91-C
thôn Chiềng Ban	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 09' 31"	105° 13' 39"					F-48-91-C
Thôn Chiếu	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 07' 19"	105° 15' 07"					F-48-91-D-c
Pu Duốc	SV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 09' 15"	105° 10' 16"					F-48-91-C
Đồi Giang	SV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 07' 20"	105° 16' 26"					F-48-91-D-c
Thôn Giáng	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 08' 46"	105° 14' 56"					F-48-91-C
đồi Hón Chan	SV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 07' 11"	105° 14' 28"					F-48-91-C
Chùa Mèo	KX	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 09' 14"	105° 13' 49"					F-48-91-C-b
Thôn Oi	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 09' 20"	105° 13' 16"					F-48-91-C
Hón Phách	TV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh			20° 12' 51"	105° 11' 05"	20° 09' 28"	105° 13' 55"	F-48-91-C
Thôn Phống	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 08' 48"	105° 13' 55"					F-48-91-C
Đồi Pi	SV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 08' 13"	105° 15' 47"					F-48-91-D-a
thôn Quang Tân	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 09' 02"	105° 13' 58"					F-48-91-C
Thôn Tỉu	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 08' 15"	105° 15' 36"					F-48-91-D-a
Thôn Trùng	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 08' 23"	105° 13' 52"					F-48-91-C
Pu Xiềng	SV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 09' 17"	105° 12' 04"					F-48-91-C
đồi Xum Pà	SV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 08' 57"	105° 10' 44"					F-48-91-C
Sông Âm	TV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	F-48-91-C
Núi Báng	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 10' 31"	105° 09' 11"					F-48-91-C
Bản Căm	DC	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 12' 48"	105° 08' 13"					F-48-91-C
pu Có Hao	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 13' 34"	105° 08' 00"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Có Hụm Pha Phá	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 11' 20"	105° 07' 59"					F-48-91-C
pom Có Muống	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 12' 19"	105° 05' 20"					F-48-91-C
pom Có Pục	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 10' 42"	105° 09' 58"					F-48-91-C
bản Cú Tá	DC	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 10' 47"	105° 10' 59"					F-48-91-C
núi Đèn Mương	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 13' 29"	105° 07' 08"					F-48-91-C
pu Én Chạng	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 13' 50"	105° 06' 29"					F-48-91-C
Pu Khúm	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 12' 47"	105° 05' 56"					F-48-91-C
Bản Lọng	DC	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 12' 35"	105° 08' 42"					F-48-91-C
Bản Lót	DC	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 13' 07"	105° 07' 05"					F-48-91-C
Pu Muống	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 11' 59"	105° 05' 24"					F-48-91-C
Pu Nhương	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 12' 18"	105° 09' 22"					F-48-91-C
Bản Phá	DC	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 12' 27"	105° 07' 30"					F-48-91-C
núi Phá Bằng	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 10' 54"	105° 08' 38"					F-48-91-C
núi Phá Cáng	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 11' 45"	105° 07' 08"					F-48-91-C
núi Sắn Có Pảng	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 11' 07"	105° 11' 20"					F-48-91-C
núi Sắn Pa Bái	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 11' 42"	105° 10' 30"					F-48-91-C
núi Sao Ba	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 10' 14"	105° 09' 50"					F-48-91-C
sông Thác Lạn	TV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh			20° 11' 20"	105° 05' 59"	20° 13' 16"	105° 06' 53"	F-48-91-C
Bản U	DC	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 11' 49"	105° 09' 58"					F-48-91-C
quốc lộ 15A	KX	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-C
Sông Âm	TV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	F-48-91-C
Pu Chức	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 10' 23"	105° 13' 37"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Núi Cỏn	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 14' 31"	105° 11' 24"					F-48-91-C
Suối Đàm	TV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh			20° 14' 06"	105° 10' 30"	20° 11' 32"	105° 11' 56"	F-48-91-C
Pu Đáy	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 09' 46"	105° 11' 17"					F-48-91-C
Pu Duốc	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 09' 15"	105° 10' 16"					F-48-91-C
Đồi Hượn	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 14' 54"	105° 10' 34"					F-48-91-C
Pu Mèo	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 13' 24"	105° 09' 30"					F-48-91-C
Suối Mèo	TV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh			20° 12' 46"	105° 10' 26"	20° 12' 21"	105° 11' 28"	F-48-91-C
Suối Mống	TV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh			20° 11' 50"	105° 13' 19"	20° 10' 22"	105° 13' 16"	F-48-91-C
Pu Mùn	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 14' 08"	105° 10' 08"					F-48-91-C
núi Na Tốp	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 09' 46"	105° 10' 41"					F-48-91-C
Pu Ngang	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 12' 45"	105° 12' 28"					F-48-91-C
Pu Nhương	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 12' 18"	105° 09' 22"					F-48-91-C
Núi Pảng	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 13' 24"	105° 11' 59"					F-48-91-C
Pu Páo	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 11' 36"	105° 13' 34"					F-48-91-C
Pu Pẹo	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 11' 05"	105° 13' 48"					F-48-91-C
núi Phá Pa	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 11' 19"	105° 12' 11"					F-48-91-C
Hón Phách	TV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh			20° 12' 51"	105° 11' 05"	20° 09' 28"	105° 13' 55"	F-48-91-C
núi Puốc Phê	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 14' 28"	105° 11' 02"					F-48-91-C
núi Sắn Có Pảng	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 11' 07"	105° 11' 20"					F-48-91-C
núi Sắn Pa Bái	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 11' 42"	105° 10' 30"					F-48-91-C
núi Sáp Ong	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 12' 58"	105° 13' 05"					F-48-91-C
làng Sơn Thủy	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 12' 32"	105° 11' 49"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
làng Tân Biên	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 14' 09"	105° 10' 34"					F-48-91-C
làng Tân Bình	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 12' 06"	105° 10' 48"					F-48-91-C
làng Tân Cương	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 13' 27"	105° 11' 10"					F-48-91-C
làng Tân Lập	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 10' 24"	105° 11' 49"					F-48-91-C
làng Tân Phong	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 10' 56"	105° 13' 01"					F-48-91-C
làng Tân Sơn	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 12' 46"	105° 11' 49"					F-48-91-C
làng Tân Thành	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 10' 03"	105° 13' 35"					F-48-91-C
làng Tân Thủy	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 12' 05"	105° 11' 56"					F-48-91-C
làng Tân Tiến	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 11' 47"	105° 13' 01"					F-48-91-C
Pu Xiềng	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 09' 17"	105° 12' 04"					F-48-91-C
Pu Bun	SV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 04' 02"	105° 09' 04"					F-48-91-C
Làng Cảy	DC	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 07' 02"	105° 13' 12"					F-48-91-C
Sông Cảy	TV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh			20° 07' 44"	105° 12' 29"	20° 05' 50"	105° 15' 28"	F-48-91-C
đồi Đồng Lình	SV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 03' 46"	105° 11' 06"					F-48-91-C
Pu Duốc	SV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 09' 15"	105° 10' 16"					F-48-91-C
Làng En	DC	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 07' 49"	105° 12' 16"					F-48-91-C
Làng Giàng	DC	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 06' 52"	105° 13' 51"					F-48-91-C
Pu Ginh	SV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 03' 23"	105° 09' 50"					F-48-91-C
Làng Hắc	DC	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 08' 06"	105° 11' 08"					F-48-91-C
Hón Hổi	TV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh			20° 06' 27"	105° 11' 06"	20° 07' 44"	105° 12' 29"	F-48-91-C
Hón Mũi	TV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh			20° 08' 09"	105° 10' 34"	20° 07' 44"	105° 12' 29"	F-48-91-C
làng Năng Cát	DC	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 07' 19"	105° 09' 50"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
pu Phạ Mựt	SV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 06' 49"	105° 07' 36"					F-48-91-C
Pu Rinh	SV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 07' 16"	105° 07' 37"					F-48-91-C
Suối Tá	TV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh			20° 06' 24"	105° 07' 32"	20° 06' 27"	105° 11' 06"	F-48-91-C
Pu Tên	SV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 08' 42"	105° 09' 18"					F-48-91-C
Làng Vìn	DC	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 06' 25"	105° 13' 50"					F-48-91-C
đồi Xum Pà	SV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 08' 57"	105° 10' 44"					F-48-91-C
Bản Bôn	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 09' 41"	105° 02' 51"					F-48-91-C
suối Ca Lung	TV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh			20° 08' 48"	105° 00' 47"	20° 08' 39"	105° 02' 02"	F-48-91-C
Pom Câu	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 09' 17"	105° 03' 36"					F-48-91-C
bản Chí Lý	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 09' 59"	105° 03' 32"					F-48-91-C
Suối Chiềng	TV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh			20° 06' 45"	104° 58' 48"	20° 10' 50"	105° 04' 57"	F-48-91-C
Pu Cồ	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 11' 18"	105° 02' 10"					F-48-91-C
núi Có Hiêng	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 08' 10"	105° 03' 04"					F-48-91-C
pom Có Hiêng	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 11' 34"	105° 04' 05"					F-48-91-C
Pu Cú	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 04' 25"	105° 03' 09"					F-48-91-C
Bản Giàng	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 10' 56"	105° 01' 30"					F-48-91-C
Pu Hại	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 05' 00"	105° 01' 31"					F-48-91-C
Bản Hằng	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 06' 14"	104° 58' 52"					F-48-90-D
núi Háy Hom Tay	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 11' 33"	105° 04' 44"					F-48-91-C
Pu Hụng	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 08' 40"	105° 03' 00"					F-48-91-C
núi Huối Phá	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 08' 37"	105° 02' 20"					F-48-91-C
núi Keo Cong Pa Ruốc	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 12' 07"	105° 00' 54"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Suối Khoa	TV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh			20° 07' 46"	104° 57' 34"	20° 06' 45"	104° 58' 48"	F-48-90-D
Bản Khon	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 06' 46"	104° 58' 41"					F-48-90-D
Suối Khon	TV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh			20° 06' 26"	105° 01' 59"	20° 07' 15"	105° 00' 42"	F-48-91-C
pu Lầy Phạ	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 07' 21"	105° 02' 17"					F-48-91-C
Bản Mè	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 10' 26"	105° 02' 35"					F-48-91-C
Suối Mè	TV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh			20° 11' 12"	105° 02' 20"	20° 10' 30"	105° 04' 16"	F-48-91-C
Bản Muỗng	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 08' 06"	105° 01' 26"					F-48-90-D
bản Nậm Đanh	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 10' 26"	105° 03' 11"					F-48-91-C
dãy Ông Soạn	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 12' 35"	105° 03' 40"					F-48-91-C
núi Pà Cù	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 07' 59"	105° 02' 20"					F-48-91-C
núi Pà Cụt	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 06' 43"	105° 02' 17"					F-48-91-C
núi Pha Vàng	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 12' 45"	105° 04' 41"					F-48-91-C
Pu Phang	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 08' 23"	105° 02' 53"					F-48-91-C
pu Phạy Mạy	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 05' 34"	105° 00' 18"					F-48-91-C
Pu Phụng	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 06' 02"	105° 02' 10"					F-48-91-C
Suối Piềng	TV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh			20° 10' 37"	105° 01' 44"	20° 10' 13"	105° 03' 29"	F-48-91-C
pu Sơ Lát	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 05' 57"	104° 58' 26"					F-48-90-D
pu Sư Na Nọi	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 08' 20"	104° 59' 13"					F-48-90-D
bản Tứ Chiềng	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 09' 29"	105° 03' 00"					F-48-91-C
Bản Xã	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 10' 01"	105° 02' 46"					F-48-91-C
Bản Xắng	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 06' 03"	104° 59' 06"					F-48-90-D
bản Yên Lập	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 09' 11"	105° 03' 00"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
bản Yên Phong	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 08' 51"	105° 02' 38"					F-48-91-C
Núi Báng	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 10' 31"	105° 09' 11"					F-48-91-C
núi Búng Cừu	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 08' 10"	105° 07' 44"					F-48-91-C
suối Cáng Lù	TV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh			20° 09' 39"	105° 08' 02"	20° 11' 20"	105° 06' 00"	F-48-91-C
Pom Câu	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 09' 17"	105° 03' 36"					F-48-91-C
núi Cô Cân	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 13' 32"	105° 04' 55"					F-48-91-C
núi Có Hiêng	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 08' 10"	105° 03' 04"					F-48-91-C
pom Có Hiêng	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 11' 34"	105° 04' 05"					F-48-91-C
núi Có Hụm Pha Phá	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 11' 20"	105° 07' 59"					F-48-91-C
pom Có Muống	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 12' 19"	105° 05' 20"					F-48-91-C
Bản Cơn	DC	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 10' 55"	105° 05' 08"					F-48-91-C
núi Háy Hom Tay	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 11' 33"	105° 04' 44"					F-48-91-C
Pu Hinh	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 07' 31"	105° 06' 29"					F-48-91-C
Pu Hụng	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 08' 40"	105° 03' 00"					F-48-91-C
pu Huối Cọ	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 05' 15"	105° 05' 30"					F-48-91-C
núi Huối Sai	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 04' 45"	105° 04' 34"					F-48-91-C
Pu Khúm	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 12' 47"	105° 05' 56"					F-48-91-C
póm Lá Nặm	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 09' 11"	105° 06' 25"					F-48-91-C
pu Láy Phạ	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 07' 21"	105° 02' 17"					F-48-91-C
pu Muống	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 11' 59"	105° 05' 24"					F-48-91-C
Bản Ngàm	DC	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 09' 16"	105° 04' 19"					F-48-91-C
Pu Nhèo	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 09' 17"	105° 08' 42"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
dãy Ông Soạn	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 12' 35"	105° 03' 40"					F-48-91-C
núi Pà Cù	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 07' 59"	105° 02' 20"					F-48-91-C
Bản Peo	DC	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 08' 47"	105° 05' 02"					F-48-91-C
núi Phá Bằng	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 10' 54"	105° 08' 38"					F-48-91-C
núi Phá Cáng	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 11' 45"	105° 07' 08"					F-48-91-C
núi Pha Vàng	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 12' 45"	105° 04' 41"					F-48-91-C
Pu Phụng	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 06' 02"	105° 02' 10"					F-48-91-C
Pu Rinh	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 07' 16"	105° 07' 37"					F-48-91-C
núi Tang Luống	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 08' 48"	105° 03' 36"					F-48-91-C
Pu Tên	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 08' 42"	105° 09' 18"					F-48-91-C
sông Thác Lạn	TV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh			20° 11' 20"	105° 05' 59"	20° 13' 16"	105° 06' 53"	F-48-91-C
Bản Tráng	DC	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 08' 43"	105° 06' 29"					F-48-91-C
Suối Vần	TV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh			20° 05' 33"	105° 03' 44"	20° 11' 20"	105° 05' 59"	F-48-91-C
Bản Vặn	DC	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 07' 55"	105° 03' 32"					F-48-91-C
bản Vần Ngoài	DC	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 09' 52"	105° 05' 42"					F-48-91-C
bản Vần Trong	DC	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 09' 47"	105° 05' 17"					F-48-91-C
Bản Vịn	DC	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 11' 09"	105° 05' 06"					F-48-91-C
bản Yên Thành	DC	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 08' 50"	105° 07' 55"					F-48-91-C
khu 1	DC	TT. Mường Lát	H. Mường Lát	20° 30' 47"	104° 35' 20"					F-48-78-C
khu 2	DC	TT. Mường Lát	H. Mường Lát	20° 31' 43"	104° 35' 56"					F-48-78-C
khu 3	DC	TT. Mường Lát	H. Mường Lát	20° 31' 43"	104° 36' 04"					F-48-78-C
khu 4	DC	TT. Mường Lát	H. Mường Lát	20° 31' 25"	104° 34' 59"					F-48-78-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường tỉnh 520	KX	TT. Mường Lát	H. Mường Lát			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-78-C
Sông Mã	TV	TT. Mường Lát	H. Mường Lát			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-78-C
Ban quản lý Rừng phòng hộ Mường Lát	KX	TT. Mường Lát	H. Mường Lát	20° 31' 38"	104° 34' 24"					F-48-78-C
Suối Pong	TV	TT. Mường Lát	H. Mường Lát			20° 28' 18"	104° 33' 56"	20° 32' 07"	104° 36' 15"	F-48-78-C
Trạm kiểm soát Biên phòng 489	KX	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 24' 35"	104° 24' 50"					F-48-89-B
Suối Ái	TV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát			20° 25' 24"	104° 24' 40"	20° 24' 45"	104° 24' 14"	F-48-89-B
suối Bản Chai	TV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát			20° 24' 13"	104° 31' 24"	20° 24' 24"	104° 27' 25"	F-48-89-B, F-48-90-A
suối Bản Lách	TV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát			20° 22' 53"	104° 29' 24"	20° 23' 56"	104° 28' 16"	F-48-89-B
Núi Bo	SV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 22' 54"	104° 25' 44"					F-48-89-B
Bản Bóng	DC	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 24' 11"	104° 26' 14"					F-48-89-B
Suối Boóng	TV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát			20° 23' 35"	104° 25' 10"	20° 24' 11"	104° 25' 30"	F-48-89-B
Bản Cang	DC	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 24' 20"	104° 25' 23"					F-48-89-B
Bản Chai	DC	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 23' 57"	104° 28' 30"					F-48-89-B
suối Kloong	TV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát			20° 22' 32"	104° 27' 51"	20° 24' 23"	104° 27' 16"	F-48-89-B
Bản Lách	DC	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 23' 45"	104° 28' 16"					F-48-89-B
Suối Luốn	TV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát			20° 24' 55"	104° 25' 37"	20° 24' 11"	104° 25' 30"	F-48-89-B
bản Na Chừa	DC	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 25' 23"	104° 27' 54"					F-48-89-B
bản Na Hào	DC	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 24' 13"	104° 26' 38"					F-48-89-B
bản Na Hin	DC	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 24' 31"	104° 25' 01"					F-48-89-B
Bản Ngố	DC	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 25' 03"	104° 27' 50"					F-48-89-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Suối Ngố	TV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát			20° 24' 47"	104° 31' 17"	20° 25' 02"	104° 27' 58"	F-48-89-B, F-48-90-A
núi Pa Pạng	SV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 23' 11"	104° 25' 01"					F-48-89-B
phu Phả Viêng	SV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 22' 51"	104° 26' 42"					F-48-89-B
bản Piềng Tặt	DC	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 24' 11"	104° 26' 49"					F-48-89-B
núi Pò Lậu 1	SV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 24' 52"	104° 31' 34"					F-48-90-A
núi Poọng Bo	SV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 25' 39"	104° 24' 47"					F-48-89-B
Suối Sim	TV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát			20° 24' 45"	104° 24' 16"	20° 31' 58"	104° 29' 13"	F-48-77-D, F-48-89-B
Suối Cầu	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 32' 52"	104° 49' 01"	20° 33' 57"	104° 48' 25"	F-48-78-D
bản Chà Lan	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 31' 48"	104° 41' 24"					F-48-78-C
suối Chà Lan	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 32' 30"	104° 41' 38"	20° 31' 40"	104° 41' 31"	F-48-78-C
bản Chiềng Nưa	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 31' 35"	104° 42' 04"					F-48-78-C
suối Chiềng Nưa	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 33' 19"	104° 42' 00"	20° 31' 31"	104° 41' 53"	F-48-78-C
Suối Con	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 32' 33"	104° 42' 29"	20° 31' 26"	104° 42' 22"	F-48-78-C
Suối Đôn	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 33' 18"	104° 40' 44"	20° 31' 57"	104° 40' 37"	F-48-78-C
Sông Mã	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-78-C, F-48-78-D
Bản Mau	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 34' 08"	104° 49' 05"					F-48-78-D
Suối Muống	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 33' 45"	104° 44' 53"	20° 32' 01"	104° 45' 11"	F-48-78-C, F-48-78-D
bản Muống 1	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 34' 35"	104° 44' 58"					F-48-78-D
bản Muống 2	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 32' 21"	104° 44' 53"					F-48-78-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Nà Lai	SV	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 34' 23"	104° 41' 09"					F-48-78-C
Suối Nàng	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 35' 04"	104° 45' 33"	20° 32' 24"	104° 45' 57"	F-48-78-D
bản Nàng 1	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 32' 31"	104° 45' 58"					F-48-78-D
bản Nàng 2	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 33' 21"	104° 45' 52"					F-48-78-D
Suối Nún	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 34' 46"	104° 47' 13"	20° 32' 36"	104° 47' 20"	F-48-78-D
Suối Pá	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 35' 35"	104° 40' 59"	20° 34' 20"	104° 43' 12"	F-48-78-C
Suối Phót	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 36' 02"	104° 41' 48"	20° 31' 34"	104° 43' 16"	F-48-78-C
bản Piềng Kít	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 32' 49"	104° 48' 20"					F-48-78-D
bản Sài Khao	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 35' 45"	104° 41' 04"					F-48-78-C
núi Sài Khao	SV	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 35' 41"	104° 40' 34"					F-48-78-C
núi Sam Lát	SV	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 34' 08"	104° 42' 25"					F-48-78-C
bản Tài Chánh	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 32' 51"	104° 47' 20"					F-48-78-D
núi Tang Me	SV	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 34' 29"	104° 44' 17"					F-48-78-C
bản Trung Thắng	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 35' 05"	104° 41' 24"					F-48-78-C
bản Trung Tiến 1	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 34' 53"	104° 43' 09"					F-48-78-C
bản Trung Tiến 2	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 34' 06"	104° 43' 16"					F-48-78-C
Bản Ún	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 35' 09"	104° 43' 12"					F-48-78-C
Suối Ún	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 36' 19"	104° 42' 47"	20° 34' 54"	104° 43' 08"	F-48-78-C
bản Xa Lung	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 32' 43"	104° 44' 06"					F-48-78-C
suối Xa Lung	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 34' 13"	104° 44' 20"	20° 31' 48"	104° 44' 20"	F-48-78-C
bản Xì Lồ	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 33' 43"	104° 43' 12"					F-48-78-C
đường tỉnh 520	KX	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-90-A
Bản Cặt	DC	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát	20° 29' 03"	104° 36' 40"					F-48-90-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Bản Chim	DC	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát	20° 28' 49"	104° 38' 20"					F-48-90-A
bản Kéo Hượn	DC	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát	20° 28' 49"	104° 39' 11"					F-48-90-A
bản Kéo Té	DC	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát	20° 28' 34"	104° 40' 16"					F-48-90-A
Suối Khoái	TV	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát			20° 29' 52"	104° 39' 47"	20° 31' 37"	104° 39' 00"	F-48-78-C, F-48-90-A
bản Lốc Há	DC	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát	20° 29' 27"	104° 36' 07"					F-48-90-A
suối Nam Pha	TV	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát			20° 29' 31"	104° 36' 40"	20° 31' 37"	104° 37' 12"	F-48-78-C, F-48-90-A
Suối Nghiết	TV	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát			20° 27' 29"	104° 36' 50"	20° 31' 30"	104° 38' 31"	F-48-78-C, F-48-90-A
bản Pá Hộc	DC	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát	20° 28' 16"	104° 37' 19"					F-48-90-A
núi Pá Khổm	SV	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát	20° 27' 53"	104° 40' 05"					F-48-90-A
núi Pha Băng	SV	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát	20° 30' 01"	104° 40' 37"					F-48-78-C
Suối Sâu	TV	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát			20° 28' 16"	104° 39' 29"	20° 29' 42"	104° 42' 04"	F-48-90-A
đường tỉnh 520	KX	xã Pù Nhi	H. Mường Lát			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-78-C, F-48-90-A
bản Cá Nọi	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 28' 08"	104° 32' 12"					F-48-90-A
suối Cá Nọi	TV	xã Pù Nhi	H. Mường Lát			20° 28' 16"	104° 32' 12"	20° 28' 03"	104° 33' 17"	F-48-90-A
bản Cá Tớp	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 28' 00"	104° 33' 14"					F-48-90-A
Bản Cơm	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 26' 48"	104° 34' 44"					F-48-90-A
Suối Cơm	TV	xã Pù Nhi	H. Mường Lát			20° 25' 41"	104° 36' 32"	20° 28' 18"	104° 33' 56"	F-48-90-A
Pha Đén	SV	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 29' 58"	104° 33' 47"					F-48-78-C
bản Đông Ban	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 29' 10"	104° 34' 23"					F-48-90-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
bản Hạ Sơn	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 30' 02"	104° 35' 10"					F-48-78-C
bản Hua Pù	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 29' 02"	104° 32' 35"					F-48-90-A
bản Na Tao	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 28' 42"	104° 33' 54"					F-48-90-A
bản Pha Đén	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 30' 09"	104° 33' 58"					F-48-78-C
phu Po Rạu 2	SV	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 25' 17"	104° 32' 02"					F-48-90-A
Suối Pong	TV	xã Pù Nhi	H. Mường Lát			20° 28' 18"	104° 33' 56"	20° 32' 07"	104° 36' 15"	F-48-78-C, F-48-90-A
bản Pù Ngùa	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 27' 23"	104° 32' 38"					F-48-90-A
suối Pù Ngùa	TV	xã Pù Nhi	H. Mường Lát			20° 25' 10"	104° 34' 14"	20° 27' 58"	104° 33' 16"	F-48-90-A
bản Pù Quăn	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 27' 18"	104° 31' 16"					F-48-90-A
bản Pù Toong	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 28' 58"	104° 35' 13"					F-48-90-A
Pu Qua	SV	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 27' 29"	104° 31' 44"					F-48-90-A
Pu Quăn	SV	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 26' 15"	104° 31' 44"					F-48-90-A
Suối Tắt	TV	xã Pù Nhi	H. Mường Lát			20° 26' 31"	104° 36' 38"	20° 28' 03"	104° 34' 13"	F-48-90-A
Đồn Biên phòng 489	KX	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 27' 40"	104° 27' 25"					F-48-89-B
Bản Bàn	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 28' 06"	104° 27' 14"					F-48-89-B
Suối Bàn	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 25' 20"	104° 31' 47"	20° 28' 11"	104° 27' 09"	F-48-89-B, F-48-90-A
pu Bản Bó	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 26' 12"	104° 23' 42"					F-48-89-B
núi Buốc Ngùa	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 27' 56"	104° 30' 54"					F-48-90-A
pu Căng Chai	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 26' 30"	104° 23' 20"					F-48-89-B
suối Cha Lo	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 26' 44"	104° 22' 46"	20° 27' 39"	104° 27' 21"	F-48-89-B
phu Chom	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 26' 39"	104° 22' 30"					F-48-89-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
bản Co Cài	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 26' 29"	104° 25' 08"					F-48-89-B
suối Co Dồm	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 29' 39"	104° 29' 31"	20° 29' 51"	104° 28' 39"	F-48-89-B
bản Con Dao	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 28' 16"	104° 24' 51"					F-48-89-B
Bản Cúm	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 27' 23"	104° 28' 30"					F-48-89-B
Bản Hạm	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 29' 08"	104° 26' 46"					F-48-89-B
Suối Hào	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 30' 41"	104° 26' 53"	20° 29' 19"	104° 27' 22"	F-48-77-D, F-48-89-B
Núi Loong	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 27' 53"	104° 22' 52"					F-48-89-B
núi Loọng Quăn	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 30' 49"	104° 27' 25"					F-48-77-D
Suối Mè	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 29' 30"	104° 25' 03"	20° 29' 15"	104° 27' 04"	F-48-89-B
Bản Mờng	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 29' 53"	104° 28' 34"					F-48-89-B
Suối Mờng	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 29' 07"	104° 29' 46"	20° 29' 56"	104° 28' 38"	F-48-89-B
núi Pa Loòng	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 30' 31"	104° 30' 32"					F-48-78-C
Suối Pén	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 27' 31"	104° 31' 26"	20° 28' 11"	104° 27' 11"	F-48-89-B, F-48-90-A
núi Pò Lậu 1	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 24' 52"	104° 31' 34"					F-48-90-A
phu Po Rạu 2	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 25' 17"	104° 32' 02"					F-48-90-A
pu Pom Ban	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 25' 48"	104° 24' 22"					F-48-89-B
Bản Poọng	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 27' 50"	104° 27' 22"					F-48-89-B
núi Poọng Bo	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 25' 39"	104° 24' 47"					F-48-89-B
bản Pù Đứa	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 26' 50"	104° 29' 49"					F-48-89-B
Bản Pùng	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 29' 25"	104° 28' 08"					F-48-89-B
Bản Qua	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 29' 10"	104° 28' 59"					F-48-89-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Pu Qua	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 27' 29"	104° 31' 44"					F-48-90-A
Pu Quăn	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 26' 15"	104° 31' 44"					F-48-90-A
suối Quan Giao	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 28' 23"	104° 22' 52"	20° 28' 54"	104° 25' 57"	F-48-89-B
bản Sáng Dưới	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 27' 21"	104° 27' 32"					F-48-89-B
bản Sáng Trên	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 26' 56"	104° 27' 39"					F-48-89-B
bản Suối Tút	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 28' 57"	104° 24' 47"					F-48-89-B
suối Ta Lanh	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 27' 27"	104° 24' 32"	20° 27' 07"	104° 26' 34"	F-48-89-B
Suối Tíu	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 27' 59"	104° 25' 42"	20° 27' 26"	104° 27' 01"	F-48-89-B
Suối Tò	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 25' 37"	104° 26' 46"	20° 25' 52"	104° 27' 32"	F-48-89-B
Suối Tút	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 29' 01"	104° 23' 31"	20° 28' 54"	104° 25' 57"	F-48-89-B
Suối Xén	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 28' 54"	104° 25' 57"	20° 29' 25"	104° 28' 01"	F-48-89-B
Suối Xim	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 24' 45"	104° 24' 16"	20° 31' 58"	104° 29' 13"	F-48-89-B
bản Xim Dưới	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 28' 52"	104° 27' 50"					F-48-89-B
bản Xim Trên	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 28' 48"	104° 27' 29"					F-48-89-B
Suối lếc	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 25' 20"	104° 25' 55"	20° 26' 38"	104° 27' 29"	F-48-89-B
Suối Áng	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 32' 21"	104° 37' 19"	20° 31' 38"	104° 37' 19"	F-48-78-C
Suối Báu	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 34' 40"	104° 40' 08"	20° 34' 19"	104° 38' 17"	F-48-78-C
Bản Cân	DC	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 30' 46"	104° 38' 31"					F-48-78-C
suối Cầu Mùng	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 33' 24"	104° 39' 47"	20° 31' 59"	104° 40' 10"	F-48-78-C
Suối Đôn	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 33' 18"	104° 40' 44"	20° 31' 57"	104° 40' 37"	F-48-78-C
suối Khơ Ni	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 33' 07"	104° 37' 51"	20° 31' 31"	104° 37' 44"	F-48-78-C
suối Khoái	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 29' 52"	104° 39' 47"	20° 31' 37"	104° 39' 00"	F-48-78-C
Bản Lát	DC	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 32' 16"	104° 35' 53"					F-48-78-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Núi Lát	SV	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 35' 57"	104° 36' 18"					F-48-78-C
Pha Lát	SV	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 32' 52"	104° 34' 55"					F-48-78-C
Suối Lát	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 35' 23"	104° 38' 46"	20° 32' 16"	104° 36' 00"	F-48-78-C
Suối Lóng	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 33' 40"	104° 38' 56"	20° 31' 56"	104° 39' 32"	F-48-78-C
Suối Lồng	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 33' 06"	104° 38' 34"	20° 31' 32"	104° 38' 31"	F-48-78-C
Sông Mã	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-78-C
suối Na Lài	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 34' 06"	104° 40' 37"	20° 34' 27"	104° 39' 18"	F-48-78-C
núi Nà Lai	SV	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 34' 23"	104° 41' 09"					F-48-78-C
suối Nam Pha	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 29' 31"	104° 36' 40"	20° 31' 37"	104° 37' 12"	F-48-78-C
Suối Nghiết	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 29' 11"	104° 37' 34"	20° 31' 30"	104° 38' 31"	F-48-78-C
Bản Ón	DC	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 37' 32"	104° 38' 56"					F-48-78-C
Suối Ón	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 39' 08"	104° 38' 08"	20° 35' 23"	104° 38' 46"	F-48-78-C
núi Pa Khom	SV	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 36' 12"	104° 35' 56"					F-48-78-C
núi Pha Băng	SV	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 30' 01"	104° 40' 37"					F-48-78-C
núi Pha Luông	SV	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 38' 01"	104° 39' 18"					F-48-78-C
bản Pom Khuông	DC	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 31' 36"	104° 36' 43"					F-48-78-C
Bản Poọng	DC	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 33' 53"	104° 37' 01"					F-48-78-C
núi Sài Khao	SV	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 35' 41"	104° 40' 34"					F-48-78-C
núi Sam Lát	SV	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 33' 43"	104° 40' 12"					F-48-78-C
Suối Sàng	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 35' 21"	104° 36' 32"	20° 34' 17"	104° 38' 13"	F-48-78-C
bản Suối Lóng	DC	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 32' 58"	104° 39' 04"					F-48-78-C
bản Suối Phái	DC	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 33' 54"	104° 35' 57"					F-48-78-C
bản Tân Hương	DC	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 30' 23"	104° 38' 17"					F-48-78-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Suối Ui	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 36' 07"	104° 35' 49"	20° 33' 10"	104° 36' 32"	F-48-78-C
Pha Xét	SV	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 32' 41"	104° 34' 31"					F-48-78-C
Đồn Biên phòng 485	KX	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 31' 29"	104° 30' 18"					F-48-78-C
đường tỉnh 520	KX	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-77-D, F-48-78-C
Suối Bo	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 32' 53"	104° 30' 52"	20° 31' 29"	104° 30' 58"	F-48-78-C
Bản Buốn	DC	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 31' 12"	104° 32' 33"					F-48-78-C
Suối Buốn	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 29' 07"	104° 32' 38"	20° 31' 12"	104° 32' 20"	F-48-78-C, F-48-90-A
Suối Cánh	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 36' 16"	104° 35' 30"	20° 32' 43"	104° 32' 53"	F-48-78-C
bản Chiên Pục	DC	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 30' 12"	104° 30' 58"					F-48-90-A
bản Chiềng Cồng	DC	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 31' 17"	104° 30' 04"					F-48-78-C
Pha Đén	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 29' 58"	104° 33' 47"					F-48-90-A
bản Đoàn Kết	DC	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 32' 46"	104° 33' 07"					F-48-78-C
Phu Dớt	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 35' 58"	104° 32' 38"					F-48-78-C
Suối Đục	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 30' 17"	104° 29' 56"	20° 31' 34"	104° 30' 18"	F-48-77-D, F-48-78-C
Suối Ha	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 34' 22"	104° 31' 34"	20° 32' 43"	104° 32' 53"	F-48-78-C
Núi Hịa	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 30' 19"	104° 31' 44"					F-48-78-C
Suối Hười	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 34' 15"	104° 32' 35"	20° 34' 06"	104° 33' 22"	F-48-78-C
Núi Lát	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 35' 57"	104° 36' 18"					F-48-78-C
Pha Lát	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 32' 52"	104° 34' 55"					F-48-78-C
núi Loong Quan	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 30' 49"	104° 27' 25"					F-48-77-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Sông Mã	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-78-C, F-48-77-D
suối Ma Khà	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 29' 16"	104° 32' 08"	20° 31' 27"	104° 31' 05"	F-48-78-C, F-48-90-A
bản Na Khà	DC	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 31' 17"	104° 31' 01"					F-48-78-C
núi Pa Khom	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 36' 12"	104° 35' 56"					F-48-78-C
núi Pa Loòng	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 30' 31"	104° 30' 32"					F-48-78-C
Suối Phung	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 28' 06"	104° 31' 40"	20° 29' 40"	104° 31' 08"	F-48-90-A
bản Piềng Mòn	DC	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 31' 31"	104° 29' 10"					F-48-78-D
phu Play	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 36' 04"	104° 32' 13"					F-48-78-C
Suối Play	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 34' 48"	104° 32' 49"	20° 34' 08"	104° 33' 22"	F-48-78-C
suối Tà Lồm	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 30' 22"	104° 33' 29"	20° 31' 20"	104° 32' 56"	F-48-78-C
suối Ta Mươn	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 30' 45"	104° 31' 30"	20° 31' 16"	104° 31' 48"	F-48-78-C
bản Tén Tằn	DC	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 31' 35"	104° 29' 28"					F-48-77-D
Cầu Trằn	KX	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 31' 52"	104° 29' 17"					F-48-77-D
Huổi Vong	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 24' 45"	104° 24' 16"	20° 31' 58"	104° 29' 13"	F-48-77-D, F-48-89-B
Pha Xét	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 32' 41"	104° 34' 31"					F-48-78-C
đường tỉnh 520	KX	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-90-A, F-48-90-B
Suối Bừm	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 32' 16"	104° 51' 40"	20° 33' 08"	104° 49' 22"	F-48-78-D
bản Ca Giáng	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 31' 46"	104° 48' 28"					F-48-78-D
bản Cánh Cộng	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 32' 13"	104° 48' 56"					F-48-78-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
suối Chà Làn	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 26' 04"	104° 44' 16"	20° 31' 49"	104° 44' 42"	F-48-78-C, F-48-78-D, F-48-90-A, F-48-90-B
núi Chéo Phe	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 28' 46"	104° 50' 26"					F-48-90-B
bản Co Cài	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 30' 02"	104° 47' 31"					F-48-78-D
núi Cồ Luồng	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 29' 27"	104° 48' 36"					F-48-90-B
Pu Đen	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 28' 39"	104° 49' 24"					F-48-90-B
Pu È	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 29' 17"	104° 51' 14"					F-48-90-B
Pu Hu	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 33' 46"	104° 52' 20"					F-48-78-D
pu Hu Luông	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 29' 53"	104° 52' 08"					F-48-90-B
núi Keo Dù	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 31' 47"	104° 46' 37"					F-48-78-D
núi Kéo Hòng	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 27' 17"	104° 46' 16"					F-48-90-B
Suối Kép	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 29' 00"	104° 49' 37"	20° 30' 19"	104° 49' 16"	F-48-78-D, F-48-90-B
bản Khằm 1	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 27' 34"	104° 43' 04"					F-48-90-A
bản Khằm 2	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 26' 52"	104° 44' 10"					F-48-90-A
bản Khằm 3	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 27' 01"	104° 44' 59"					F-48-90-A
Bản Lìn	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 31' 48"	104° 45' 58"					F-48-78-D
Kéo Lý	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 26' 25"	104° 45' 39"					F-48-90-B
Suối Lý	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 30' 06"	104° 47' 31"	20° 32' 29"	104° 47' 20"	F-48-78-D
Sông Mã	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-78-C, F-48-78-D
bản Ma Hác	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 29' 37"	104° 41' 28"					F-48-90-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
bản Nà Ón	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 29' 58"	104° 42' 14"					F-48-90-A
bản Pa Búa	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 30' 59"	104° 44' 35"					F-48-78-C
núi Pá Khổm	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 27' 53"	104° 40' 05"					F-48-90-A
bản Pá Quăn	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 27' 00"	104° 45' 50"					F-48-90-B
núi Pha Băng	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 30' 01"	104° 40' 37"					F-48-78-C
pu Pin Láu	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 27' 58"	104° 47' 14"					F-48-90-B
núi Pom Ché	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 30' 21"	104° 48' 18"					F-48-78-D
suối Quặc	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 31' 19"	104° 51' 45"	20° 31' 41"	104° 49' 13"	F-48-78-D
suối Sa Vít	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 25' 41"	104° 42' 18"	20° 27' 16"	104° 41' 20"	F-48-90-A
suối Sao Luông	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 26' 50"	104° 40' 29"	20° 31' 24"	104° 42' 18"	F-48-78-C
Suối Sâu	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 28' 16"	104° 39' 29"	20° 29' 42"	104° 42' 04"	F-48-90-A
bản Suối Hộc	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 31' 21"	104° 43' 08"					F-48-78-C
bản Suối Tung	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 31' 01"	104° 41' 18"					F-48-78-C
bản Tà Cóm	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 33' 00"	104° 49' 50"					F-48-78-D
Bản Táo	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 27' 32"	104° 41' 24"					F-48-90-A
Suối Trại	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 33' 13"	104° 52' 08"	20° 33' 45"	104° 49' 44"	F-48-78-D
bản Xa Lao	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 30' 36"	104° 42' 24"					F-48-78-C
tiểu khu 1	DC	TT. Nga Sơn	H. Nga Sơn	20° 00' 33"	105° 57' 47"					F-48-92-D-d
tiểu khu 2	DC	TT. Nga Sơn	H. Nga Sơn	20° 00' 16"	105° 58' 08"					F-48-92-D-d
tiểu khu 3	DC	TT. Nga Sơn	H. Nga Sơn	20° 00' 33"	105° 58' 11"					F-48-92-D-d
quốc lộ 10	KX	TT. Nga Sơn	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	F-48-92-D-d
tiểu khu Ba Đình 1	DC	TT. Nga Sơn	H. Nga Sơn	20° 00' 34"	105° 57' 50"					F-48-92-D-d
tiểu khu Ba Đình 2	DC	TT. Nga Sơn	H. Nga Sơn	20° 00' 30"	105° 58' 01"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
sông Hưng Long	TV	TT. Nga Sơn	H. Nga Sơn			20° 02' 16"	105° 54' 34"	19° 58' 59"	106° 01' 19"	F-48-92-D-d
tiểu khu Hưng Long	DC	TT. Nga Sơn	H. Nga Sơn	20° 00' 27"	105° 58' 08"					F-48-92-D-d
Cầu Kênh	KX	TT. Nga Sơn	H. Nga Sơn	20° 00' 31"	105° 58' 08"					F-48-92-D-d
thôn Chiến Thắng	DC	xã Ba Đình	H. Nga Sơn	20° 01' 04"	105° 55' 05"					F-48-92-D-d
thôn Điền Hộ	DC	xã Ba Đình	H. Nga Sơn	20° 01' 22"	105° 55' 59"					F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Ba Đình	H. Nga Sơn			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	F-48-92-D-d
sông Hưng Long	TV	xã Ba Đình	H. Nga Sơn			20° 02' 16"	105° 54' 34"	19° 58' 59"	106° 01' 19"	F-48-92-D-d
thôn Mậu Lâm	DC	xã Ba Đình	H. Nga Sơn	20° 01' 27"	105° 55' 26"					F-48-92-D-d
thôn Mậu Thịnh	DC	xã Ba Đình	H. Nga Sơn	20° 01' 23"	105° 55' 34"					F-48-92-D-d
thôn Mỹ Khê	DC	xã Ba Đình	H. Nga Sơn	20° 01' 24"	105° 55' 19"					F-48-92-D-d
thôn Mỹ Thành	DC	xã Ba Đình	H. Nga Sơn	20° 01' 56"	105° 54' 40"					F-48-92-D-d
thôn Thượng Thọ Ngoại	DC	xã Ba Đình	H. Nga Sơn	20° 01' 34"	105° 55' 52"					F-48-92-D-d
thôn Thượng Thọ Nội	DC	xã Ba Đình	H. Nga Sơn	20° 01' 31"	105° 55' 37"					F-48-92-D-d
thôn Vần Chùa	DC	xã Ba Đình	H. Nga Sơn	20° 01' 31"	105° 55' 26"					F-48-92-D-d
quốc lộ 10	KX	xã Nga An	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	F-48-93-C-c
xóm Bắc Sơn	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 02' 24"	106° 00' 41"					F-48-93-C-c
xóm Bình Hòa	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 01' 54"	106° 01' 55"					F-48-93-C-c
xóm Đông Sơn	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 02' 07"	106° 01' 04"					F-48-93-C-c
hồ Đồng Vụa	TV	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 02' 50"	106° 01' 37"					F-48-93-C-c
xóm Hà Nam	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 01' 55"	106° 00' 39"					F-48-93-C-c
xóm Hà Trung	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 02' 14"	106° 00' 27"					F-48-93-C-c
xóm Minh Đức	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 01' 42"	106° 01' 18"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
xóm Nam Sơn	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 02' 23"	106° 00' 20"					F-48-93-C-c
xóm Nam Trung	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 02' 01"	106° 00' 22"					F-48-93-C-c
xóm Ngưu Sơn	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 02' 07"	106° 02' 28"					F-48-93-C-c
xóm Nhân Sơn	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 02' 38"	106° 01' 47"					F-48-93-C-c
xóm Quang Trung	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 01' 52"	106° 01' 08"					F-48-93-C-c
dãy Răng Cưa	SV	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 03' 21"	106° 00' 11"					F-48-93-C-c
xóm Thuần Hậu	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 02' 14"	106° 01' 34"					F-48-93-C-c
quốc lộ 10	KX	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	F-48-92-D-d
thôn Bạch Đằng	DC	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn	19° 57' 57"	105° 58' 16"					E-48-8-B-b
thôn Bạch Đông	DC	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn	19° 57' 53"	105° 57' 38"					E-48-8-B-b
thôn Bạch Hải	DC	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn	19° 57' 57"	105° 58' 26"					E-48-8-B-b
thôn Bạch Hùng	DC	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn	19° 57' 53"	105° 57' 47"					E-48-8-B-b
thôn Bạch Thái	DC	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn	19° 58' 13"	105° 57' 36"					E-48-8-B-b
thôn Bạch Thắng	DC	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn	19° 57' 57"	105° 58' 05"					E-48-8-B-b
thôn Bạch Thành	DC	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn	19° 58' 11"	105° 58' 22"					E-48-8-B-b
thôn Bạch Triệu	DC	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn	19° 58' 10"	105° 58' 09"					E-48-8-B-b
thôn Bạch Trưng	DC	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn	19° 58' 06"	105° 57' 56"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
kênh Sao Sa	TV	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn			19° 59' 02"	105° 56' 15"	19° 57' 51"	105° 58' 23"	E-48-8-B-b
xóm 1	DC	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 28"	106° 02' 13"					F-48-93-C-c
xóm 2	DC	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 36"	106° 02' 20"					F-48-93-C-c
xóm 3	DC	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 47"	106° 02' 40"					F-48-93-C-c
xóm 4	DC	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 46"	106° 02' 53"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
xóm 5	DC	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 12"	106° 03' 32"					F-48-93-C-c
xóm 6	DC	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 21"	106° 04' 19"					F-48-93-C-c
xóm 7	DC	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 18"	106° 01' 12"					F-48-93-C-c
xóm 8	DC	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 21"	106° 02' 02"					F-48-93-C-c
quốc lộ 10	KX	xã Nga Điền	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	F-48-93-C-c
Sông Càn	TV	xã Nga Điền	H. Nga Sơn			20° 03' 20"	106° 01' 21"	19° 56' 55"	106° 01' 26"	F-48-93-C-c
cầu Điền Hộ	KX	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 40"	106° 02' 31"					F-48-93-C-c
Sông Hoạt	TV	xã Nga Điền	H. Nga Sơn			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	F-48-92-D-d, F-48-93-C-c
sông Lai Thành	TV	xã Nga Điền	H. Nga Sơn			20° 03' 49"	106° 02' 33"	20° 02' 18"	106° 03' 52"	F-48-93-C-c
dãy Răng Cưa	SV	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 21"	106° 00' 11"					F-48-93-C-c
quốc lộ 10	KX	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	F-48-92-D-d, F-48-93-C-c
thôn Hanh Gia	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 01' 39"	105° 58' 41"					F-48-92-D-d
thôn Lục Hải	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 02' 10"	105° 59' 27"					F-48-92-D-d
thôn Lục Sơn	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 02' 21"	105° 59' 51"					F-48-92-D-d
thôn Lục Trung	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 02' 18"	105° 59' 31"					F-48-92-D-d
thôn Ngoại 1	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 01' 54"	105° 58' 48"					F-48-92-D-d
thôn Ngoại 2	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 02' 06"	105° 58' 57"					F-48-92-D-d
thôn Ngoại 3	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 02' 12"	105° 59' 02"					F-48-92-D-d
thôn Nội 1	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 02' 38"	105° 59' 25"					F-48-92-D-d
thôn Nội 2	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 02' 35"	105° 59' 17"					F-48-92-D-d
thôn Nội 3	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 02' 29"	105° 59' 13"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Nội 4	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 02' 19"	105° 59' 06"					F-48-92-D-d
dãy Răng Cưa	SV	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 03' 21"	106° 00' 11"					F-48-93-C-c
quốc lộ 10	KX	xã Nga Hải	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	F-48-92-D-d
xóm Bắc Sơn	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 01' 23"	105° 59' 46"					F-48-92-D-d
xóm Cần Thanh	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 01' 20"	105° 59' 00"					F-48-92-D-d
làng Cầu Hải	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 01' 30"	105° 59' 24"					F-48-92-D-d
xóm Đông Hải	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 01' 17"	106° 00' 00"					F-48-93-C-c
xóm Hải Bình	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 01' 39"	105° 59' 10"					F-48-92-D-d
xóm Hải Lộc	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 00' 49"	105° 59' 35"					F-48-92-D-d
xóm Hải Nam	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 01' 04"	105° 59' 53"					F-48-92-D-d
xóm Hải Tiến	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 01' 01"	105° 58' 59"					F-48-92-D-d
xóm Tây Sơn	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 01' 32"	105° 59' 25"					F-48-92-D-d
xóm Trung Tiến	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 01' 13"	105° 59' 38"					F-48-92-D-d
xóm 1	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 13"	105° 58' 37"					E-48-8-B-b
xóm 2	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 18"	105° 58' 39"					E-48-8-B-b
xóm 3	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 33"	105° 58' 42"					E-48-8-B-b
xóm 4	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 48"	105° 58' 34"					E-48-8-B-b
xóm 5	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 33"	105° 58' 29"					E-48-8-B-b
xóm 6	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 36"	105° 58' 14"					E-48-8-B-b
xóm 7	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 47"	105° 58' 17"					E-48-8-B-b
xóm 8	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 31"	105° 58' 50"					E-48-8-B-b
làng Hưng Thắng	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 39"	105° 58' 16"					E-48-8-B-b
làng Hưng Thịnh	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 33"	105° 58' 12"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
làng Long Khang	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 19"	105° 58' 41"					E-48-8-B-b
xóm 1	DC	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 00' 46"	106° 01' 24"					F-48-93-C-c
xóm 2	DC	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 01' 00"	106° 01' 01"					F-48-93-C-c
xóm 3	DC	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 00' 46"	106° 00' 34"					F-48-93-C-c
xóm 4	DC	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 00' 40"	106° 00' 28"					F-48-93-C-c
xóm 5	DC	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 00' 28"	106° 00' 15"					F-48-93-C-c
xóm 6	DC	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 00' 32"	106° 00' 01"					F-48-93-C-c
xóm 7	DC	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 00' 45"	106° 00' 14"					F-48-93-C-c
xóm 8	DC	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 01' 00"	106° 00' 26"					F-48-93-C-c
xóm 9	DC	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 01' 07"	106° 01' 23"					F-48-93-C-c
cầu Hói Đào	KX	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 00' 29"	105° 59' 56"					F-48-92-D-d
sông Hưng Long	TV	xã Nga Liên	H. Nga Sơn			20° 02' 16"	105° 54' 34"	19° 58' 59"	106° 01' 19"	F-48-92-D-d, F-48-93-C-c, E-48-9-A-a
đường tỉnh 508	KX	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b
cầu Báo Văn	KX	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn	19° 59' 03"	105° 55' 18"					E-48-8-B-b
thôn Báo Văn	DC	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn	19° 59' 02"	105° 55' 30"					E-48-8-B-b
thôn Đồng Đội	DC	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn	19° 58' 41"	105° 56' 06"					E-48-8-B-b
thôn Giải Uấn	DC	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn	19° 58' 32"	105° 55' 26"					E-48-8-B-b
Sông Hoạt	TV	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	E-48-8-B-b
thôn Hội Kê	DC	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn	19° 58' 45"	105° 55' 19"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
kênh Sao Sa	TV	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn			19° 59' 02"	105° 56' 15"	19° 57' 51"	105° 58' 23"	E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Vân Hoàn	SV	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn	19° 58' 09"	105° 55' 55"					E-48-8-B-b
thôn Vân Hoàn	DC	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn	19° 58' 28"	105° 56' 02"					E-48-8-B-b
sông Văn Thắng	TV	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn			20° 00' 48"	105° 56' 53"	19° 59' 24"	105° 55' 20"	E-48-8-B-b
thôn 1	DC	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn	20° 00' 04"	105° 57' 58"					F-48-92-D-d
thôn 2	DC	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn	19° 59' 47"	105° 57' 50"					E-48-8-B-b
thôn 3	DC	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn	19° 59' 57"	105° 57' 43"					E-48-8-B-b
thôn 4	DC	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn	19° 59' 40"	105° 57' 41"					E-48-8-B-b
thôn 5	DC	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn	19° 59' 41"	105° 57' 29"					E-48-8-B-b
thôn 6	DC	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn	19° 59' 51"	105° 57' 23"					E-48-8-B-b
thôn 7	DC	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn	20° 00' 01"	105° 57' 26"					F-48-92-D-d
thôn 8	DC	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn	20° 00' 11"	105° 57' 29"					F-48-92-D-d
quốc lộ 10	KX	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	F-48-92-D-d, E-48-8-B-b
đường tỉnh 508	KX	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b
xóm 1	DC	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn	19° 58' 40"	105° 57' 23"					E-48-8-B-b
xóm 2	DC	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn	19° 58' 23"	105° 57' 21"					E-48-8-B-b
xóm 3	DC	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn	19° 58' 22"	105° 56' 55"					E-48-8-B-b
xóm 4	DC	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn	19° 58' 08"	105° 56' 51"					E-48-8-B-b
xóm 5	DC	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn	19° 58' 32"	105° 56' 42"					E-48-8-B-b
xóm 6	DC	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn	19° 58' 25"	105° 56' 32"					E-48-8-B-b
xóm 7	DC	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn	19° 58' 22"	105° 56' 28"					E-48-8-B-b
xóm 8	DC	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn	19° 58' 17"	105° 57' 07"					E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
kênh Sao Sa	TV	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn			19° 59' 02"	105° 56' 15"	19° 57' 51"	105° 58' 23"	E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Nga Phú	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-b
Sông Càn	TV	xã Nga Phú	H. Nga Sơn			20° 03' 20"	106° 01' 21"	19° 56' 55"	106° 01' 26"	F-48-93-C-c
xóm Chính Nghĩa	DC	xã Nga Phú	H. Nga Sơn	20° 02' 40"	106° 02' 46"					F-48-93-C-c
cầu Điền Hộ	KX	xã Nga Phú	H. Nga Sơn	20° 03' 40"	106° 02' 31"					F-48-93-C-c
núi Mai An Tiêm	SV	xã Nga Phú	H. Nga Sơn	20° 02' 43"	106° 02' 24"					F-48-93-C-c
xóm Nhân Sơn	DC	xã Nga Phú	H. Nga Sơn	20° 03' 17"	106° 02' 31"					F-48-93-C-c
xóm Phong Phú	DC	xã Nga Phú	H. Nga Sơn	20° 02' 54"	106° 03' 18"					F-48-93-C-c
xóm Tân Hải	DC	xã Nga Phú	H. Nga Sơn	20° 02' 16"	106° 03' 43"					F-48-93-C-c
xóm Tân Phát	DC	xã Nga Phú	H. Nga Sơn	20° 01' 33"	106° 03' 36"					F-48-93-C-c
xóm Tân Thịnh	DC	xã Nga Phú	H. Nga Sơn	20° 02' 28"	106° 03' 22"					F-48-93-C-c
xóm Văn Đức	DC	xã Nga Phú	H. Nga Sơn	20° 03' 09"	106° 02' 56"					F-48-93-C-c
xóm 1	DC	xã Nga Tân	H. Nga Sơn	19° 58' 53"	106° 00' 18"					E-48-9-A-a
xóm 2	DC	xã Nga Tân	H. Nga Sơn	19° 59' 44"	106° 00' 10"					E-48-9-A-a
xóm 3	DC	xã Nga Tân	H. Nga Sơn	19° 59' 37"	106° 00' 18"					E-48-9-A-a
xóm 4	DC	xã Nga Tân	H. Nga Sơn	19° 59' 25"	105° 59' 49"					E-48-8-B-b
xóm 5	DC	xã Nga Tân	H. Nga Sơn	19° 59' 16"	105° 59' 41"					E-48-8-B-b
xóm 6	DC	xã Nga Tân	H. Nga Sơn	19° 59' 08"	105° 59' 38"					E-48-8-B-b
xóm 7	DC	xã Nga Tân	H. Nga Sơn	19° 58' 59"	105° 59' 31"					E-48-8-B-b
xóm 8	DC	xã Nga Tân	H. Nga Sơn	19° 58' 53"	105° 59' 29"					E-48-8-B-b
Sông Càn	TV	xã Nga Tân	H. Nga Sơn			20° 03' 20"	106° 01' 21"	19° 56' 55"	106° 01' 26"	E-48-9-A-a
sông Hưng Long	TV	xã Nga Tân	H. Nga Sơn			20° 02' 16"	105° 54' 34"	19° 58' 59"	106° 01' 19"	E-48-9-A-a
làng Tân Hưng	DC	xã Nga Tân	H. Nga Sơn	19° 59' 25"	105° 59' 49"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
quốc lộ 10	KX	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-b
xóm Hậu Trạch 1	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 31"	105° 57' 03"					E-48-8-B-b
xóm Hậu Trạch 2	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 33"	105° 56' 55"					E-48-8-B-b
xóm Hậu Trạch 3	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 36"	105° 56' 52"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
xóm Phương Phú 1	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 49"	105° 57' 13"					E-48-8-B-b
xóm Phương Phú 2	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 39"	105° 57' 11"					E-48-8-B-b
Cầu phao Thắm	KX	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 56' 56"	105° 55' 40"					E-48-8-B-b
xóm Thanh Lãng 1	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 14"	105° 56' 05"					E-48-8-B-b
xóm Thanh Lãng 2	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 11"	105° 56' 06"					E-48-8-B-b
thôn Trung Thành	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 44"	105° 56' 31"					E-48-8-B-b
xóm Trung Thành 1	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 48"	105° 56' 37"					E-48-8-B-b
xóm Trung Thành 2	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 44"	105° 56' 31"					E-48-8-B-b
xóm 1	DC	xã Nga Thái	H. Nga Sơn	20° 00' 58"	106° 01' 50"					F-48-93-C-c
xóm 2	DC	xã Nga Thái	H. Nga Sơn	20° 01' 21"	106° 01' 33"					F-48-93-C-c
xóm 3	DC	xã Nga Thái	H. Nga Sơn	20° 00' 55"	106° 02' 13"					F-48-93-C-c
xóm 6	DC	xã Nga Thái	H. Nga Sơn	20° 01' 04"	106° 02' 53"					F-48-93-C-c
xóm 7	DC	xã Nga Thái	H. Nga Sơn	20° 01' 46"	106° 02' 23"					F-48-93-C-c
xóm 8	DC	xã Nga Thái	H. Nga Sơn	20° 01' 51"	106° 02' 40"					F-48-93-C-c
xóm 9	DC	xã Nga Thái	H. Nga Sơn	20° 01' 00"	106° 02' 55"					F-48-93-C-c
Sông Càn	TV	xã Nga Thái	H. Nga Sơn			20° 03' 20"	106° 01' 21"	19° 56' 55"	106° 01' 26"	F-48-93-C-c
làng Trường Sơn	DC	xã Nga Thái	H. Nga Sơn	20° 01' 01"	106° 02' 28"					F-48-93-C-c
thôn 1	DC	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn	20° 00' 22"	105° 56' 02"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn 2	DC	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn	20° 00' 19"	105° 55' 52"					F-48-92-D-d
thôn 3	DC	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn	20° 00' 10"	105° 55' 59"					F-48-92-D-d
thôn 4	DC	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn	19° 59' 29"	105° 55' 41"					E-48-8-B-b
thôn 5	DC	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn	19° 59' 44"	105° 55' 18"					F-48-92-D-d
thôn 6	DC	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn	20° 00' 09"	105° 54' 58"					F-48-92-D-d
thôn 7	DC	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn	20° 00' 30"	105° 54' 54"					F-48-92-D-d
thôn 8	DC	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn	19° 59' 16"	105° 56' 17"					E-48-8-B-b
đường tỉnh 508	KX	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b
Sông Hoạt	TV	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	F-48-92-D-d, E-48-8-B-b
Núi Sến	SV	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn	20° 00' 19"	105° 56' 06"					F-48-92-D-d
sông Văn Thắng	TV	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn			20° 00' 48"	105° 56' 53"	19° 59' 24"	105° 55' 20"	F-48-92-D-d, E-48-8-B-b
xóm 1	DC	xã Nga Thanh	H. Nga Sơn	20° 00' 27"	105° 59' 52"					F-48-92-D-d
xóm 2	DC	xã Nga Thanh	H. Nga Sơn	20° 00' 18"	105° 59' 42"					F-48-92-D-d
xóm 3	DC	xã Nga Thanh	H. Nga Sơn	20° 00' 10"	105° 59' 34"					F-48-92-D-d
xóm 4	DC	xã Nga Thanh	H. Nga Sơn	20° 00' 00"	105° 59' 28"					E-48-8-B-b
xóm 5	DC	xã Nga Thanh	H. Nga Sơn	19° 59' 47"	105° 59' 20"					E-48-8-B-b
xóm 6	DC	xã Nga Thanh	H. Nga Sơn	19° 59' 34"	105° 59' 10"					E-48-8-B-b
xóm 7	DC	xã Nga Thanh	H. Nga Sơn	20° 00' 04"	105° 59' 10"					F-48-92-D-d
cầu Hói Đào	KX	xã Nga Thanh	H. Nga Sơn	20° 00' 29"	105° 59' 56"					F-48-92-D-d
sông Hưng Long	TV	xã Nga Thanh	H. Nga Sơn			20° 02' 16"	105° 54' 34"	19° 58' 59"	106° 01' 19"	F-48-92-D-d, F-48-93-C-c, E-48-9-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
xóm Bắc Thành	DC	xã Nga Thành	H. Nga Sơn	20° 01' 48"	106° 00' 18"					F-48-93-C-c
xóm Đông Thành	DC	xã Nga Thành	H. Nga Sơn	20° 01' 43"	106° 00' 26"					F-48-93-C-c
xóm Hồ Đông	DC	xã Nga Thành	H. Nga Sơn	20° 01' 35"	106° 00' 54"					F-48-93-C-c
xóm Hồ Nam	DC	xã Nga Thành	H. Nga Sơn	20° 01' 19"	106° 00' 32"					F-48-93-C-c
xóm Nam Thành	DC	xã Nga Thành	H. Nga Sơn	20° 01' 38"	106° 00' 07"					F-48-93-C-c
xóm Trung Thành	DC	xã Nga Thành	H. Nga Sơn	20° 01' 44"	106° 00' 11"					F-48-93-C-c
xóm Xuân Thành	DC	xã Nga Thành	H. Nga Sơn	20° 01' 37"	106° 00' 21"					F-48-93-C-c
thôn 1	DC	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 01' 45"	105° 57' 36"					F-48-92-D-d
thôn 2	DC	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 01' 50"	105° 57' 40"					F-48-92-D-d
thôn 3	DC	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 01' 58"	105° 57' 43"					F-48-92-D-d
thôn 4	DC	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 02' 04"	105° 57' 47"					F-48-92-D-d
thôn 5	DC	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 02' 09"	105° 57' 50"					F-48-92-D-d
thôn 6	DC	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 02' 26"	105° 58' 01"					F-48-92-D-d
thôn 7	DC	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 02' 40"	105° 58' 11"					F-48-92-D-d
thôn 8	DC	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 02' 45"	105° 58' 34"					F-48-92-D-d
núi Áng Trong	SV	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 03' 08"	105° 58' 01"					F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	F-48-92-D-d
động Từ Thức	SV	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 02' 55"	105° 58' 41"					F-48-92-D-d
thôn 1	DC	xã Nga Thủy	H. Nga Sơn	19° 59' 28"	105° 59' 09"					E-48-8-B-b
thôn 2	DC	xã Nga Thủy	H. Nga Sơn	19° 59' 20"	105° 59' 04"					E-48-8-B-b
thôn 3	DC	xã Nga Thủy	H. Nga Sơn	19° 59' 13"	105° 58' 55"					E-48-8-B-b
thôn 4	DC	xã Nga Thủy	H. Nga Sơn	19° 58' 59"	105° 58' 51"					E-48-8-B-b
thôn 5	DC	xã Nga Thủy	H. Nga Sơn	19° 58' 44"	105° 58' 50"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn 6	DC	xã Nga Thủy	H. Nga Sơn	19° 58' 36"	105° 58' 50"					E-48-8-B-b
thôn 7	DC	xã Nga Thủy	H. Nga Sơn	19° 58' 25"	105° 58' 48"					E-48-8-B-b
thôn 8	DC	xã Nga Thủy	H. Nga Sơn	19° 58' 17"	105° 58' 45"					E-48-8-B-b
thôn 9	DC	xã Nga Thủy	H. Nga Sơn	19° 58' 03"	105° 58' 38"					E-48-8-B-b
thôn 10	DC	xã Nga Thủy	H. Nga Sơn	19° 58' 44"	105° 59' 28"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Nga Thủy	H. Nga Sơn			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b, E-48-9-A-a
Lạch Sung	TV	xã Nga Thủy	H. Nga Sơn			19° 57' 07"	106° 00' 04"	19° 56' 40"	106° 00' 09"	E-48-9-A-a
xóm 1	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	20° 00' 41"	106° 02' 12"					F-48-93-C-c
xóm 2	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	20° 00' 54"	106° 02' 01"					F-48-93-C-c
xóm 3	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	20° 00' 49"	106° 01' 51"					F-48-93-C-c
xóm 4	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	20° 00' 44"	106° 01' 40"					F-48-93-C-c
xóm 5	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	20° 00' 38"	106° 01' 34"					F-48-93-C-c
xóm 6	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	20° 00' 31"	106° 01' 25"					F-48-93-C-c
xóm 7	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	20° 00' 29"	106° 01' 11"					F-48-93-C-c
xóm 8	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	20° 00' 15"	106° 00' 55"					F-48-93-C-c
xóm 9	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	20° 00' 07"	106° 00' 44"					F-48-93-C-c
xóm 10	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	19° 59' 52"	106° 00' 32"					E-48-9-A-a
Sông Càn	TV	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn			20° 03' 20"	106° 01' 21"	19° 56' 55"	106° 01' 26"	E-48-9-A-a, F-48-93-C-c
sông Hưng Long	TV	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn			20° 02' 16"	105° 54' 34"	19° 58' 59"	106° 01' 19"	E-48-9-A-a
xóm 1	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 59' 00"	105° 57' 26"					E-48-8-B-b
xóm 2	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 59' 17"	105° 57' 30"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
xóm 3	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 58' 56"	105° 57' 47"					E-48-8-B-b
xóm 4	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 59' 07"	105° 57' 49"					E-48-8-B-b
xóm 5	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 59' 09"	105° 58' 25"					E-48-8-B-b
xóm 6	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 58' 57"	105° 58' 21"					E-48-8-B-b
xóm 7	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 59' 03"	105° 58' 32"					E-48-8-B-b
xóm 8	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 58' 53"	105° 58' 37"					E-48-8-B-b
xóm 9	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 58' 35"	105° 58' 26"					E-48-8-B-b
xóm 10	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 58' 30"	105° 58' 08"					E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Nga Trung	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-b
kênh Sao Sa	TV	xã Nga Trung	H. Nga Sơn			19° 59' 02"	105° 56' 15"	19° 57' 51"	105° 58' 23"	E-48-8-B-b
xóm 1	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 36"	105° 56' 58"					F-48-92-D-d
xóm 2	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 47"	105° 57' 07"					F-48-92-D-d
xóm 3	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 39"	105° 57' 13"					F-48-92-D-d
xóm 4A	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 33"	105° 57' 09"					F-48-92-D-d
xóm 4B	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 30"	105° 57' 25"					F-48-92-D-d
xóm 5	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 42"	105° 57' 18"					F-48-92-D-d
xóm 6	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 38"	105° 57' 32"					F-48-92-D-d
xóm 7A	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 09"	105° 57' 54"					F-48-92-D-d
xóm 7B	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 18"	105° 57' 57"					F-48-92-D-d
xóm 8	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 31"	105° 58' 01"					F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Nga Trường	H. Nga Sơn			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	F-48-92-D-d
xóm Tân Tiến	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 02' 37"	105° 56' 49"					F-48-92-D-d
xóm 1	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	20° 01' 05"	105° 57' 16"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
xóm 2	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	20° 00' 59"	105° 57' 11"					F-48-92-D-d
xóm 3	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	20° 00' 51"	105° 57' 07"					F-48-92-D-d
xóm 4	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	20° 00' 39"	105° 57' 01"					F-48-92-D-d
xóm 5	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	20° 00' 32"	105° 56' 57"					F-48-92-D-d
xóm 6	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	20° 00' 21"	105° 56' 53"					F-48-92-D-d
xóm 7	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	20° 00' 22"	105° 57' 02"					F-48-92-D-d
xóm 8	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	19° 59' 58"	105° 56' 54"					E-48-8-B-b
xóm 9	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	19° 59' 40"	105° 56' 40"					E-48-8-B-b
xóm 10	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	19° 59' 49"	105° 56' 54"					E-48-8-B-b
đường tỉnh 508	KX	xã Nga Văn	H. Nga Sơn			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b
sông Hưng Long	TV	xã Nga Văn	H. Nga Sơn			20° 02' 16"	105° 54' 34"	19° 58' 59"	106° 01' 19"	F-48-92-D-d
sông Văn Thắng	TV	xã Nga Văn	H. Nga Sơn			20° 00' 48"	105° 56' 53"	19° 59' 24"	105° 55' 20"	F-48-92-D-d, E-48-8-B-b
thôn 7	DC	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn	20° 02' 35"	105° 55' 05"					F-48-92-D-d
thôn 8	DC	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn	20° 02' 32"	105° 54' 54"					F-48-92-D-d
thôn 9	DC	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn	20° 02' 14"	105° 54' 43"					F-48-92-D-d
cầu Đa Nam	KX	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn	20° 02' 49"	105° 54' 54"					F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	F-48-92-D-d
sông Hưng Long	TV	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn			20° 02' 16"	105° 54' 34"	19° 58' 59"	106° 01' 19"	F-48-92-D-d
thôn Nghi Vịnh	DC	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn	20° 01' 55"	105° 56' 24"					F-48-92-D-d
thôn Tuân Đạo	DC	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn	20° 02' 04"	105° 56' 06"					F-48-92-D-d
thôn Vĩnh An	DC	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn	20° 02' 31"	105° 56' 13"					F-48-92-D-d
thôn Vĩnh Lộc	DC	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn	20° 02' 37"	105° 55' 44"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Vĩnh Thọ	DC	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn	20° 02' 36"	105° 56' 02"					F-48-92-D-d
xóm 1	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 00' 36"	105° 59' 13"					F-48-92-D-d
xóm 2	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 00' 30"	105° 58' 48"					F-48-92-D-d
xóm 3	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 00' 37"	105° 58' 52"					F-48-92-D-d
xóm 4	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 00' 45"	105° 58' 40"					F-48-92-D-d
xóm 5	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 00' 44"	105° 58' 08"					F-48-92-D-d
xóm 6	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 00' 56"	105° 58' 18"					F-48-92-D-d
xóm 7	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 01' 08"	105° 58' 23"					F-48-92-D-d
xóm 8	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 01' 18"	105° 58' 29"					F-48-92-D-d
xóm 9	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 01' 30"	105° 58' 31"					F-48-92-D-d
xóm 10	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 01' 28"	105° 58' 39"					F-48-92-D-d
quốc lộ 10	KX	xã Nga Yên	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	F-48-92-D-d
sông Hưng Long	TV	xã Nga Yên	H. Nga Sơn			20° 02' 16"	105° 54' 34"	19° 58' 59"	106° 01' 19"	F-48-92-D-d
làng Yên Khoái	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 01' 03"	105° 58' 19"					F-48-92-D-d
làng Yên Lộc	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 01' 25"	105° 58' 30"					F-48-92-D-d

(Xem tiếp Công báo số 425 + 426)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng